

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2024
phê duyệt danh mục công trình thủy lợi phân cấp quản lý
trên địa bàn thành phố Hà Nội

Phụ lục IV

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI: CỐNG, CẦU QUA KÊNH
Phân cấp quản lý theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2022
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

II. DANH MỤC PHÂN CẤP CỐNG, CẦU QUA KÊNH

4. Công ty TNHH MTV thủy lợi Sông Tích quản lý

(Tiếp theo Công báo số 106+107)

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2600	Tưới K3+550	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	N7B	Trái	3+550				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2601	Tưới K3+717 phải	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	N7B	Phải	3+717				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2602	Tưới K3+717 trái	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	N7B	Trái	3+717				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2603	Tưới K3+782	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	N7B	Trái	3+782				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2604	Tưới K3+883	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	N7B	Trái	3+883				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2605	Tưới K3+948	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	N7B	Trái	3+948				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2606	Tưới K3+951	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	N7B	Phải	3+951				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2607	Tưới K1+160 phải	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	Tb Cán Hạ	Phải	1+160				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2608	Tưới K1+160 trái	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	Tb Cán Hạ	Trái	1+160				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2609	Tiêu K0+34	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	Hoàng văn Vĩnh 1 trái	Phải	0+340				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2610	Tiêu K0+370	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	Hoàng văn Vĩnh 1 trái	Phải	0+370				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2611	Tiêu K0+14	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	Hoàng văn Vĩnh 3 trái	Phải	0+140				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2612	Qua đường K0+700	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	Hoàng Văn Vĩnh 1 phải		0+700				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2613	Tưới K4+537	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	N7B	Trái	4+537			0,20	0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2614	Tưới K4+886	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	N7B	Phải	4+886			0,20	0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2615	Tưới K0+50	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	Tb Cán Hạ	Trái	0+500					0,20	1					Cổng	Nhỏ	Tưới		
2616	Tiêu K0+780	Quốc Oai	Cán Hữu	Kênh	Tb Trại Ro	Phải	0+780					0,20	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2617	Đóng Đất K28+009	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Chính Đồng Mỏ		28+009			11,80	2,60	1						Cầu				

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø			
2618	Qua kênh K28+100	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Chính Đồng Mỏ		28+100	11,80	2,60		1								Cầu
2619	Qua kênh K28+126	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Chính Đồng Mỏ		28+126	11,80	2,60		1								Cầu
2620	Qua kênh K28+195	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Chính Đồng Mỏ		28+195	11,80	2,60		1								Cầu
2621	Qua kênh K28+278	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Chính Đồng Mỏ		28+278	11,80	2,60		1								Cầu
2622	Qua kênh K28+516	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Chính Đồng Mỏ		28+516	11,80	2,60		1								Cầu
2623	Qua kênh K28+792	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Chính Đồng Mỏ		28+792	11,80	2,60		1								Cầu
2624	Qua kênh K28+978	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Chính Đồng Mỏ		28+978	11,80	2,60		1								Cầu
2625	Qua kênh K29+060	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Chính Đồng Mỏ		29+060	11,80	2,60		1								Cầu
2626	Qua kênh K0+905	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		0+905	3,00	1,10		1								Cầu
2627	Qua kênh K1+223	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		1+223	3,00	1,10		1								Cầu
2628	Dân sinh Giếng Ngang K0+525	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Đầm Bung 2		0+525	14,60	3,50		1								Cầu
2629	Tiêu S8	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Đầm Bung 2	Phải	3+000	1,60	1,75		2	V3	TC					Vừa	Tiêu
2630	Qua đường K0+00	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Tb Đồng Sếu		0+000	1,65	0,90		1							Vừa	Tưới
2631	Tiêu Cộng Hòa 2 Trong Tb	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Đầm Bung 2		0+030	2,46	2,50		2	V5	TC					Vừa	Tiêu
2632	Tiêu Tb Cộng Hòa 2	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Đầm Bung 2		0+000	2,00	3,00		2	V5	TC					Vừa	Tiêu
2633	Xã Tb Cộng Hòa 1 K0+150	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Tb Cộng Hòa 1		0+150	1,80	2,00		2	V2	TC					Vừa	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2634	Qua đê K0+100	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Tb Cộng Hòa 1		0+100	2,10	1,90		2						Cổng	Vừa	Tưới			
2635	Trên kênh K0+054	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N11		0+054	1,40	1,10		1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới			
2636	Xả tràn N11 K0+056	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N11	Trái	0+056	1,40	1,10		1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới			
2637	Tưới N11 K27+524	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Chính Đồng Mỏ	Trái	27+524	1,00	1,40		1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới			
2638	Tưới N24A K28+820	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Chính Đồng Mỏ	Phải	28+820	0,50	0,60		1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới			
2639	Tiêu S6	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Đầm Bung 2	Phải	2+400	1,10	1,10		1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2640	Tưới K1+565 Trái	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A	Trái	1+565	1,20	1,40		1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới			
2641	Tưới K1+565 Phải	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A	Phải	1+565	1,20	1,40		1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới			
2642	Qua đường K0+200	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Tb Cộng Hòa 1		0+200	1,10	1,10		1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới			
2643	Qua đường K0+620	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	S6		0+620	0,80	1,00		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2644	Tiêu K0+942	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	S6	Trái	0+942	0,80	1,00		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2645	Qua đường K0+945	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	S6		0+945	0,80	1,00		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2646	Tiêu K0+353	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	S6	Trái	0+353			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2647	Tiêu K0+947 trái	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	S6	Trái	0+947			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2648	Tiêu K0+947 phải	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	S6	Phải	0+947			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2649	Qua đường K1+112	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	S6		1+112			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2650	Tưới K28+005	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Chính Đồng Mỏ	Trái	28+005	0,60	1,00		1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
2651	Qua đường K0+805	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N22		0+805	0,70	0,80		1						Cổng	Nhỏ	Tưới			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.ctr	Tên công trình	Lý trình	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm			
						Bờ	Km	B	H	Ø						B	H	Ø	
2652	tươi K1+567	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		1+567	0,70	0,80	1									
2653	Cầu,kết hợp K1+890	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		1+890	0,70	0,80	1									
2654	Qua đường Lão K0+570	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Tb Cộng Hòa 1		0+570	0,70	0,80	1									
2655	Trên kênh tưới K0+097	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		0+097			0,80	1								
2656	Trên kênh tưới K0+304	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		0+304			0,80	1								
2657	Qua đường K0+685	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	S6		0+685			0,80	1								
2658	Qua đường K0+818	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	S6		0+818			0,80	1								
2659	Trên kênh tưới K0+577	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		0+577	0,70	0,70	1									
2660	Trên kênh tưới K0+798	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		0+798	0,60	0,70	1									
2661	Qua đường K0+010	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Vượt cấp Cổng Táng		0+010	0,50	0,70	1									
2662	Luồn tiêu đồng chằm K0+121	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N11		0+121			0,60	1								
2663	Qua đường K0+447	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N22		0+447			0,60	1								
2664	Tươi K0+240	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Vượt cấp Cổng Táng		0+240	0,50	0,50	1									
2665	Qua đường K0+242	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Vượt cấp Cổng Táng		0+242	0,50	0,50	1									
2666	Trên kênh tưới K0+413	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		0+413	0,50	0,50	1									
2667	Tươi K0+575	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A	Trái	0+575	0,50	0,50	1									
2668	Tươi N22 K27+532	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Chính Đồng Mỏ	Phải	27+532	0,40	0,50	1	V1	TC							

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø			B	H	Ø		
2669	Tưới K0+550	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Vượt cấp Cống Táng	Phải	0+550	0,40	0,50	1							Cống Nhỏ Tưới
2670	Qua đường K0+878	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N22		0+878			0,50	1						Cống Nhỏ Tưới
2671	Qua đường K0+984	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N22		0+984			0,50	1						Cống Nhỏ Tưới
2672	Tưới K0+550	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Vượt cấp Cống Táng	Trái	0+550			0,50	1						Cống Nhỏ Tưới
2673	Trên kênh tưới K0+956	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		0+956			0,50	1						Cống Nhỏ Tưới
2674	Trên kênh tưới K1+040	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		1+040			0,50	1						Cống Nhỏ Tưới
2675	Trên kênh tưới K1+253	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		1+253			0,50	1						Cống Nhỏ Tưới
2676	Trên kênh tưới K1+308	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		1+308			0,50	1						Cống Nhỏ Tưới
2677	Trên kênh tưới K1+424	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		1+424			0,50	1						Cống Nhỏ Tưới
2678	Trên kênh tưới K1+723	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		1+723			0,50	1						Cống Nhỏ Tưới
2679	Trên kênh tưới K1+885	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		1+885			0,50	1						Cống Nhỏ Tưới
2680	Tiêu Chằm Linh K1+021	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Đảm Bung 2	Trái	1+021			0,50	1						Cống Nhỏ Tiêu
2681	Tiêu K1+171	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	S6	Trái	1+171			0,50	1						Cống Nhỏ Tiêu
2682	Tiêu K1+213	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	S6	Trái	1+213			0,50	1						Cống Nhỏ Tiêu
2683	VeTáng K27+616	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Chỉnh Đồng Mỏ	Phải	27+616			0,40	1						Cống Nhỏ Tưới
2684	Tưới K0+842	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N22	Trái	0+842			0,40	1						Cống Nhỏ Tưới
2685	Tưới K0+095	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A	Trái	0+095			0,40	1						Cống Nhỏ Tưới
2686	Trên kênh tưới K0+692	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		0+692			0,40	1						Cống Nhỏ Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.ctr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2687	Tiêu K0+617 trái	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh S6		Trái	0+617				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2688	Tiêu K0+617 phải	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh S6		Phải	0+617				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2689	Tưới K0+271	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Vượt cấp Cổng Táng	Phải	0+271		0,30	0,30		1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2690	Tưới K0+323	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Vượt cấp Cổng Táng	Phải	0+323		0,30	0,30		1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2691	Tưới K0+375	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Vượt cấp Cổng Táng	Phải	0+375		0,30	0,30		1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2692	Tưới K0+425	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Vượt cấp Cổng Táng	Phải	0+425		0,30	0,30		1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2693	Tưới K0+504	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Vượt cấp Cổng Táng	Phải	0+504		0,30	0,30		1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2694	Tưới K0+016	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N11	Phải	0+016				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2695	Tưới K0+032	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N11	Phải	0+032				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2696	Tưới K0+144	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N11	Phải	0+144				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2697	Tưới K0+275	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N11	Phải	0+275				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2698	Tưới K0+327	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N11	Phải	0+327				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2699	Tưới K0+982	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N22	Trái	0+982				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2700	Tưới K0+002	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	Vượt cấp Cổng Táng	Trái	0+002				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2701	Tưới K0+575	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A	Phải	0+575				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2702	Tưới K0+986	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A	Trái	0+986				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2703	Trên kênh tưới K1+507	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A		1+507				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2704	Tưới K1+569	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	N24A	Phải	1+569				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1										Thông số kỹ thuật cửa loại 2					Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)				Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)				Số cửa đm	Vận hành				
						Bờ	Km	B	H	Ø	B				H	Ø	B	H			Ø			
2705	Tiêu K0+623 phải	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	S6		Phải	0+623				0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
2706	Tiêu K0+623 trái	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	S6		Trái	0+623				0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
2707	Tiêu K0+688 trái	Quốc Oai	Cộng Hòa	Kênh	S6		Trái	0+688				0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
2708	2 K0+250	Quốc Oai	Đại Thành	Kênh	Tb Cống Mèn - Đàm Ngò			0+250	2,00	2,00			1	V2	TC							Cổng	Vừa	Tiêu
2709	3 K0+500	Quốc Oai	Đại Thành	Kênh	Tb Cống Mèn - Đàm Ngò			0+500	2,00	2,00			1	V2	TC							Cổng	Vừa	Tiêu
2710	4 K1+00	Quốc Oai	Đại Thành	Kênh	Tb Cống Mèn - Đàm Ngò			1+000	2,00	2,00			1	V2	TC							Cổng	Vừa	Tiêu
2711	7 qua đường K1+200	Quốc Oai	Đại Thành	Kênh	Tb tiêu - Cống ngòi ngang			1+200	2,00	1,50			1	V2	TC							Cổng	Vừa	Tiêu
2712	1 K0+000	Quốc Oai	Đại Thành	Kênh	Tb Cống Mèn - Đàm Ngò			0+000	2,00	2,00			1	V3	TC							Cổng	Vừa	Tiêu
2713	0 K0+000 xã Tb Đại Thành	Quốc Oai	Đại Thành	Kênh	Tb tiêu - Cống ngòi ngang			0+000	1,80	1,70			1	V3	TC							Cổng	Vừa	Tiêu
2714	1 K0+170	Quốc Oai	Đại Thành	Kênh	Tb tiêu - Cống ngòi ngang			0+170	1,00	1,50			1	V1	TC							Cổng	Nhỏ	Tiêu
2715	2 K0+320	Quốc Oai	Đại Thành	Kênh	Tb tiêu - Cống ngòi ngang			0+320	1,00	1,50			1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
2716	3 K0+450	Quốc Oai	Đại Thành	Kênh	Tb tiêu - Cống ngòi ngang			0+450	1,00	1,50			1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
2717	4 K0+630	Quốc Oai	Đại Thành	Kênh	Tb tiêu - Cống ngòi ngang			0+630	1,00	1,50			1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
2718	5 K0+760	Quốc Oai	Đại Thành	Kênh	Tb tiêu - Cống ngòi ngang			0+760	1,00	1,50			1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
2719	6 K1+00	Quốc Oai	Đại Thành	Kênh	Tb tiêu - Cống ngòi ngang			1+000	1,00	1,50			1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
2720	Qua kênh K24+352	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mỏ			24+352	11,80	2,60			1									Cầu		
2721	Qua kênh K24+813	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mỏ			24+813	11,80	2,60			1									Cầu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1							Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2722	Qua kênh K25+149	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mỏ		25+149	11,80	2,60		1								Cầu			
2723	Qua kênh K25+605	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mỏ		25+605	11,80	2,60		1								Cầu			
2724	Qua kênh K25+892	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mỏ		25+892	11,80	2,60		1								Cầu			
2725	Qua kênh K26+179	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mỏ		26+179	11,80	2,60		1								Cầu			
2726	Qua kênh K27+110	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mỏ		27+110	11,80	2,60		1								Cầu			
2727	Qua kênh K0+220	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7B		0+220	4,30	1,30		1								Cầu			
2728	Qua kênh K0+256	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7B		0+256	4,30	1,30		1								Cầu			
2729	Qua kênh K0+304	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7B		0+304	4,30	1,30		1								Cầu			
2730	Qua kênh K0+094	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7C		0+094	4,00	1,40		1								Cầu			
2731	Qua kênh K0+174	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7C		0+174	4,00	1,40		1								Cầu			
2732	Qua kênh K0+231	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7C		0+231	4,00	1,40		1								Cầu			
2733	Qua kênh K0+390	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7C		0+390	4,00	1,40		1								Cầu			
2734	Qua kênh K0+923	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7C		0+923	4,00	1,40		1								Cầu			
2735	Đồng Cao K1+268	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7C		1+268	4,00	1,40		1								Cầu			
2736	Đồng Lọc K1+854	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7C		1+854	4,00	1,40		1								Cầu			
2737	Qua kênh K2+440	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Bãi Hoàng Xá - Yên Nội		2+440	6,30	2,70		1								Cầu			
2738	Qua kênh K1+482	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đầm Bung 2		1+482	14,60	3,50		1								Cầu			
2739	Đá K2+932	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đầm Bung 2		2+932	14,60	3,50		1								Cầu			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2740	Đt Đồng Quang K25+429	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô		25+429	1,60	1,80		2	V3	TC				Cổng	Vừa	Tưới			
2741	Qua đường K0+956	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Bãi Hoàng Xá-Yên Nội		0+956	1,50	2,10		2	V3	TC				Cổng	Vừa	Tiểu			
2742	Tưới 7C K25+270	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô		25+270	1,50	2,00		1	V2	TC				Cổng	Vừa	Tưới			
2743	Đt Đồng Lư K27+288	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô		27+288	1,20	0,95		2	V1	TC				Cổng	Vừa	Tưới			
2744	Tiêu Điền Xá K0+231	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xá		0+231	1,50	1,50		1	V1	TC				Cổng	Vừa	Tiểu			
2745	Khe phai K1+112	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Bãi Hoàng Xá-Yên Nội		1+112	1,90	2,60		3						Cổng	Vừa	Tiểu			
2746	K0+019	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Dương Cốc		0+019	2,50	2,50		1	V3	TC				Cổng	Vừa	Tiểu			
2747	Qua đường K1+370	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Bãi Hoàng Xá-Yên Nội		1+370	1,00	2,20		2						Cổng	Vừa	Tiểu			
2748	Qua đường K1+875	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Bãi Hoàng Xá-Yên Nội		1+875	1,10	1,90		2						Cổng	Vừa	Tiểu			
2749	Tưới K2+100	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	7C	Trái	2+100	2,20	1,20		1	V3	TC				Cổng	Vừa	Tưới			
2750	Qua đường K0+421	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	S8		0+421	1,00	1,10		2						Cổng	Vừa	Tiểu			
2751	Qua đường K1+040	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xá		1+040	1,00	1,00		2	V1	TC				Cổng	Vừa	Tiểu			
2752	Xiphông 7A K27+503	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô		27+503			1,00	2						Cổng	Vừa	Tưới			
2753	Tiêu K0+993	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Dương Cốc	Trái	0+993			1,00	2	V1	TC				Cổng	Vừa	Tiểu			
2754	Tiêu K1+464	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Dương Cốc	Trái	1+464			1,00	2	V1	TC				Cổng	Vừa	Tiểu			
2755	Qua đường K0+764	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xá		0+764			1,00	2	V1	TC				Cổng	Vừa	Tiểu			
2756	Tưới 7B K24+819	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	24+819	1,40	1,00		1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới			
2757	Đồng Chanh K26+182	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	26+182			0,80	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1							Thông số kỹ thuật cửa loại 2					Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)				Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø							
2758	Tưới N7B K0+00	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7B			0+000	1,40	1,00	1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2759	Tiêu K2+615	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Bãi Hoàng Xá-Yên Nội			2+615	1,00	2,00	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2760	Tưới K0+810	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7B	Phải		0+810	1,20	1,60	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2761	Qua đường K2+328	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Bãi Hoàng Xá-Yên Nội	Phải		2+328	1,20	1,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2762	Qua đường K2+304	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Bãi Hoàng Xá-Yên Nội			2+304	1,20	1,20	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2763	Tiêu Đồng Lọc Trên K4+818	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đầm Bung 2	Trái		4+818	1,00	1,40	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2764	Qua đường K2+520	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Bãi Hoàng Xá-Yên Nội			2+520	1,10	1,20	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2765	Tiêu Ao Cá K5+364	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đầm Bung 2	Trái		5+364	1,00	1,30	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2766	Luồn dưới kênh K1+798 N	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đồng Bùn			1+798	1,20	1,00	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2767	Qua đường K2+712	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Bãi Hoàng Xá-Yên Nội			2+712	1,00	1,20	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2768	Đt bê xá Tb Đồng Lư 00	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Bể xá Tb Đồng Lư			0+000	1,20	1,20	1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tưới		
2769	Trại lợn K0+435	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7B			0+435	1,00	1,00	1								Cổng	Nhỏ	Tưới		
2770	Tưới K1+275	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	7C	Trái		1+275	1,00	1,00	1								Cổng	Nhỏ	Tưới		
2771	Qua đường K1+444	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xá			1+444	1,00	1,00	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2772	Tiêu K1+640	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xá	Trái		1+640	1,00	1,00	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2773	Tiêu Đồng Bền K3+471	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đầm Bung 2	Trái		3+471	0,80	1,20	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1							Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H						
2774	Tiêu Đồng Lọc Dưới K4+862	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đầm Bung 2	Trái	4+862	0,80	1,20		1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
2775	Qua đường K0+715	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Thạch Thán		0+715	1,10	0,80		1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
2776	Qua đường K1+955	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xã		1+955	0,90	0,90		1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
2777	Tiêu Đồng Tháy K1+398	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đầm Bung 2	Trái	1+398	0,80	1,00		1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
2778	Tưới K2+081	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	7C	Phải	2+081			1,00	1							Cống	Nhỏ	Tưới	
2779	Qua đường K2+398	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Bãi Hoàng Xá-Yên Nội		2+398			1,00	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
2780	Qua đường K0+347	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	S6		0+347			1,00	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
2781	Tiêu Công Nông K0+695	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Dương Cốc		0+695			1,00	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
2782	Tiêu K1+044	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xã	Trái	1+044			1,00	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
2783	Luồn tiêu K1+665	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xã		1+665			1,00	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
2784	Đầu kênh K0+00	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Thạch Thán		0+000			1,00	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
2785	Qua đường K2+250	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xã		2+250			0,90	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
2786	Tiêu K0+721	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Thạch Thán	Phải	0+721	0,70	0,80		1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
2787	Tưới K1+428	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 2 Ba Nhà - Hoàng Xá	Trái	1+428			0,80	1							Cống	Nhỏ	Tưới	
2788	Qua đường K1+648	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N22		1+648			0,80	1							Cống	Nhỏ	Tưới	
2789	Tiêu Đồng Rêu K1+975	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đầm Bung 2	Trái	1+975			0,80	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2790	Tiêu K0+709 phải	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Thạch Thán	Phải	0+709			0,80	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu				
2791	Tiêu K0+709 trái	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Thạch Thán	Trái	0+709			0,80	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu				
2792	Tiêu K0+872	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Thạch Thán	Phải	0+872			0,80	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu				
2793	Tưới K1+46	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 2 Ba Nhà - Hoàng Xá		1+460	0,70	0,70		1					Cổng	Nhỏ	Tưới				
2794	Tưới K1+430	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 2 Ba Nhà - Hoàng Xá	Trái	1+430	0,70	0,70		1					Cổng	Nhỏ	Tưới				
2795	Tiêu K1+864 N	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đồng Bùn	Trái	1+864	0,70	0,70		1					Cổng	Nhỏ	Tiêu				
2796	Tiêu Đồng Cạn K3+561	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đầm Bung 2	Phải	3+561	0,70	0,70		1					Cổng	Nhỏ	Tiêu				
2797	Tưới K1+441	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3 Ba Nhà - Yên Nội		1+441	0,80	0,50		1					Cổng	Nhỏ	Tưới				
2798	Tưới K1+507	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3 Ba Nhà - Yên Nội		1+507	0,50	0,80		1					Cổng	Nhỏ	Tưới				
2799	Tưới K1+547	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3 Ba Nhà - Yên Nội		1+547	0,50	0,80		1					Cổng	Nhỏ	Tưới				
2800	Tưới K1+697	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3 Ba Nhà - Yên Nội	Trái	1+697	0,50	0,80		1					Cổng	Nhỏ	Tưới				
2801	Tiêu K5+012	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đầm Bung 2	Phải	5+012	0,80	0,50		1					Cổng	Nhỏ	Tiêu				
2802	Tiêu Đồng Vọt 3 K1+842	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đầm Bung 2	Trái	1+842	0,60	0,60		1					Cổng	Nhỏ	Tiêu				
2803	Tiêu K0+342 phải	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	S6	Phải	0+342	0,50	0,70		1					Cổng	Nhỏ	Tiêu				
2804	Tiêu K0+342 trái	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	S6	Trái	0+342	0,50	0,70		1					Cổng	Nhỏ	Tiêu				
2805	Tiêu K1+638 N	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đồng Bùn	Trái	1+638	0,40	0,80		1					Cổng	Nhỏ	Tiêu				

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2					Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2806	Vc K24+772	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô	Trái	24+772	0,60	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
2807	Tưới đồng thui K0+612	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	7C	Trái	0+612	0,50	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
2808	Tiêu K1+593	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	S8	Phải	1+593	0,60	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2809	Đá K3+103	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đầm Bung 2	Trái	3+103			0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2810	Tiêu K4+886	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đầm Bung 2	Phải	4+886			0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2811	Tiêu K1+240	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Bãi Hoàng Xá - Yên Nội	Trái	1+240	0,40	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2812	Qua đường K1+012	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Thạch Thán		1+012	0,40	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2813	Tưới K26+732	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	26+732	0,40	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
2814	Tưới K0+263	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 2 Ba Nhà - Hoàng Xá	Trái	0+263	0,40	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
2815	Tưới K1+556	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3 Ba Nhà - Yên Nội	Phải	1+556	0,40	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
2816	Tiêu K0+424	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xá	Trái	0+424	0,40	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2817	Qua đường K1+638	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N22		1+638			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
2818	Tiêu K0+237	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xá	Phải	0+237			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2819	Tiêu K0+780	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xá	Phải	0+780			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2820	Đồng Tháy K27+309	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô	Trái	27+309	0,40	0,45		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
2821	Tiêu K1+637 N	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đồng Bùn	Trái	1+637	0,30	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2822	Tưới K25+608	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	25+608	0,40	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1					Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø		
2823	Tiêu K0+456 trái	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xã	Trái	0+456	0,40	0,40		1						Cổng Nhỏ	Tiêu
2824	Tiêu K0+456 phải	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xã	Phải	0+456	0,40	0,40		1						Cổng Nhỏ	Tiêu
2825	Tưới K0+799	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 2 Ba Nhà - Hoàng Xá	Trái	0+799	0,30	0,50		1						Cổng Nhỏ	Tưới
2826	Tưới K1+446	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3 Ba Nhà - Yên Nội	Trái	1+446	0,30	0,50		1						Cổng Nhỏ	Tưới
2827	Tưới K1+511	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3 Ba Nhà - Yên Nội	Trái	1+511	0,30	0,50		1						Cổng Nhỏ	Tưới
2828	Tiêu K0+554	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xã	Phải	0+554	0,30	0,50		1						Cổng Nhỏ	Tiêu
2829	Tưới K26+405	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	26+405	0,30	0,45		1						Cổng Nhỏ	Tưới
2830	Tưới K25+042	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	25+042			0,40	1						Cổng Nhỏ	Tưới
2831	Tưới K25+423	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	25+423			0,40	1						Cổng Nhỏ	Tưới
2832	Tưới K26+550	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô	Trái	26+550			0,40	1						Cổng Nhỏ	Tưới
2833	Tưới K26+752	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	26+752			0,40	1						Cổng Nhỏ	Tưới
2834	Tưới K27+075	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô	Trái	27+075			0,40	1						Cổng Nhỏ	Tưới
2835	Tưới K0+454	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	7C	Phải	0+454			0,40	1						Cổng Nhỏ	Tưới
2836	Tưới chớp bịt K1+346	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	7C	Trái	1+346			0,40	1						Cổng Nhỏ	Tưới
2837	Tiêu đồng lọc dưới K1+797	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	7C	Trái	1+797			0,40	1						Cổng Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2					Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)				Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø							
2838	Qua đường K1+869	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N22		1+869				0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2839	Tiêu K1+304	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xã	Phải	1+304				0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2840	Tiêu K1+305	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xã	Phải	1+305				0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2841	Qua đường K0+867	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Thạch Thán		0+867				0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2842	Tưới K0+442 trái	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7B	Trái	0+442	0,30	0,40			1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2843	Tưới K0+442 phải	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7B	Phải	0+442	0,30	0,40			1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2844	Tưới K0+795	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7B	Phải	0+795	0,30	0,40			1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2845	Tưới K1+254	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3 Ba Nhà - Yên Nội	Trái	1+254	0,30	0,30			1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2846	Tưới K1+290	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3 Ba Nhà - Yên Nội	Trái	1+290	0,30	0,30			1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2847	Tưới K1+355	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N22	Trái	1+355	0,30	0,30			1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2848	Tưới K1+361	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N22	Trái	1+361	0,30	0,30			1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2849	Tiêu K0+010	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xã	Trái	0+010	0,30	0,30			1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2850	Tưới K0+677	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 2(Ba Nhà - Hoàng Xá)	Trái	0+677	0,25	0,30			1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2851	Tưới K25+143	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	25+143				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2852	Tưới K27+445	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	27+445				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2853	Tưới K0+592	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7B	Phải	0+592				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2854	Tưới K0+606	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N7B	Trái	0+606			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2855	Tưới đồng K0+298	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	7C	Trái	0+298			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2856	Tưới K1+273 trái	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	7C	Trái	1+273			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2857	Tưới K1+273 phải	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	7C	Phải	1+273			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2858	Tiêu K1+809 N	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đồng Bùn	Trái	1+809			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2859	Tiêu dưới kênh K1+567	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N22		1+567			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2860	Qua đường K2+040	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	N22		2+040			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2861	Tiêu K5+169	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Đầm Bung 2	Trái	5+169			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2862	Tiêu K0+27	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	S6	Trái	0+270			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2863	Tiêu K0+52	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	S6	Phải	0+520			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2864	Tiêu K0+688 phải	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điện Xã	Phải	0+688			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2865	Tưới K0+348	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 2(Ba Nhà - Hoàng Xá)	Trái	0+348	0,20	0,30		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2866	Tưới K0+880	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 2(Ba Nhà - Hoàng Xá)	Trái	0+880	0,20	0,30		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2867	Tưới K1+440 phải	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3(Ba Nhà - Yên Nội)	Phải	1+440	0,20	0,30		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
2868	Tưới K1+440	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3(Ba Nhà - Yên Nội)	Trái	1+440	0,20	0,30		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Số cửa	Máy đm	Vận hành				
						Bờ	Km	B	H	Ø										
2869	Tưới K1+532 trái	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3(Ba Nhà - Yên Nội)	Phải	1+532	0,20	0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
2870	Tưới K1+546	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3(Ba Nhà - Yên Nội)	Trái	1+546	0,20	0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
2871	Tưới K1+129	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3 Ba Nhà - Yên Nội	Trái	1+129	0,20	0,25	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
2872	Tưới K1+131	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3 Ba Nhà - Yên Nội	Trái	1+131	0,20	0,25	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
2873	Tưới K1+418	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 2 Ba Nhà - Hoàng Xá	Trái	1+418	0,20	0,20	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
2874	Tưới K1+317	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 3 Ba Nhà - Yên Nội	Trái	1+317	0,20	0,20	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
2875	Tưới K0+516 Phải	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Nhánh 2(Ba Nhà - Hoàng Xá)	Trái	0+516			0,20	1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
2876	Qua đường K1+300	Quốc Oai	Đồng Quang	Kênh	Điền Xã		1+300			0,20	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2877	Trên kênh tưới Hồ Lập Thành K0+030	Quốc Oai	Đồng Xuân	Kênh	Hồ Lập Thành		0+030	1,20	1,30	1	V2	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới	
2878	Tưới Hồ Lập Thành K0+00	Quốc Oai	Đồng Xuân	Đập	hồ Lập thành		0+000	0,80	0,70	1	V3	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới	
2879	Đĩa Xé K2+381	Quốc Oai	Đồng Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu		2+381	1,50	2,10	1	V1	TC					Cổng	Vừa	Tiêu	
2880	Đê Đông Hạ K2+861	Quốc Oai	Đồng Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu		2+861	1,50	1,20	1	V1	TC					Cổng	Vừa	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2881	Mô Riệc K4+372	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu		4+372	1,50	0,80		1	V2	TC						Cổng	Vừa	Tiêu	
2882	Trại Nứa K0+00	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu		0+000	1,40	1,70		2	V3	TC						Cổng	Vừa	Tiêu	
2883	Xá Tb Đông Yên tiêu K0+00	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Xá Tb Đông Yên Tiêu		0+000	2,50	2,50		1	V5	TC						Cổng	Vừa	Tươi	
2884	Gia Khai K1+996	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	1+996	1,20	1,50		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2885	Đĩa Rổng K3+304	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu		3+304	1,20	1,50		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2886	Đĩa Rách K3+676	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu		3+676	1,00	1,00		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2887	Bới Sấu K4+730	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu		4+730	1,00	1,20		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2888	Vòi Voi K0+330	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu		0+330	1,00	1,50		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2889	Sui K0+00	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu		0+000	1,40	1,20		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2890	Qua đường K0+096	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên 2		0+096	1,00	1,00		1								Cổng	Nhỏ	Tươi	
2891	Tiêu K2+647	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Trái	2+647	1,00	1,00		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2892	Láng K0+870	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu		0+870	1,20	0,80		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2893	Trũng K4+110	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu		4+110	1,00	0,80		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2894	Tiêu K2+951	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	2+951			0,80	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2895	Tươi K0+175	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên 2	Trái	0+175	0,50	1,00		1								Cổng	Nhỏ	Tươi	
2896	Tiêu K2+396	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	2+396			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2897	Tiêu K2+543	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	2+543			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2898	Tiêu K2+646	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	2+646				0,50	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2899	Tiêu K3+449	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	3+449				0,50	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2900	Tiêu K3+747	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	3+747				0,50	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2901	Tiêu K4+252	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	4+252				0,50	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2902	Tiêu K3+385	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Trái	3+385				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2903	Tiêu K4+354	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	4+354				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2904	Tiêu K4+363	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Trái	4+363				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2905	Tiêu K0+271	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Trái	0+271				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2906	Tiêu K3+298	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	3+298				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2907	Tiêu K3+693	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Trái	3+693				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2908	Tiêu K3+737	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	3+737				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2909	Tiêu K3+763	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Trái	3+763				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2910	Tiêu K3+765	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	3+765				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2911	Tiêu K3+884	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	3+884				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2912	Tiêu K3+922	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	3+922				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2913	Tiêu K4+008 phải	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	4+008				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2914	Tiêu K4+008 trái	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Trái	4+008				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2915	Tiêu K4+074	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	4+074				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2					Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2916	Tiểu K4+084	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Trái	4+084				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiểu	
2917	Tiểu K4+112 trái	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Trái	4+112				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiểu	
2918	Tiểu K4+112 phải	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Phải	4+112				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiểu	
2919	Tiểu K4+620	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Tb Đông Yên tiêu	Trái	4+620				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiểu	
2920	Đt tại bờ trái bề xả Tb Đồi Quần K0+000	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Xả Tb Đồi Quần	Trái	0+000	1,00	1,20		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tưới	
2921	Đt tại bờ phải bề xả Tb Đồi Quần K0+000	Quốc Oai	Đông Yên	Kênh	Xả Tb Đồi Quần	Phải	0+000	1,00	1,20		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tưới	
2922	3 K0+163	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Dẫn bề xả Tb Gò Sum		0+163	1,70	2,20		1								Cổng	Vừa	Tưới	
2923	Trên kênh K0+435	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ		0+435			1,00	2								Cổng	Vừa	Tiểu	
2924	Trên kênh K0+806	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ		0+806			1,00	2								Cổng	Vừa	Tiểu	
2925	Tiểu K0+247	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ	Trái	0+247				1,00	2							Cổng	Vừa	Tiểu	
2926	Xả Đồng Mạ	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Xả Đồng Mạ		0+150	1,50	2,00		1	V2	TC						Cổng	Vừa	Tưới	
2927	2 K0+163	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum		0+163				0,80	2							Cổng	Vừa	Tiểu	
2928	4 K0+350	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum		0+350				0,80	2							Cổng	Vừa	Tiểu	
2929	Đồng mạ K0+00	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ		0+000	1,40	1,60		1	V3	TC						Cổng	Nhỏ	Tiểu	
2930	25 K1+725	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum		1+725				1,00	1	V3	TC					Cổng	Nhỏ	Tiểu	
2931	Trên kênh K1+408	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ		1+408	0,60	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tiểu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2932	Xã Tb Gò Sum	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Dẫn bề xả Tb Gò Sum		0+000	1,40	1,75		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
2933	1 K0+047	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Dẫn bề xả Tb Gò Sum	Phải	0+047			0,60	1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tưới	
2934	Tiêu K0+438	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ	Phải	0+438			1,00	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2935	Qua đường K1+117	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồi Phù		1+117	0,65	1,00		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
2936	Qua đường K0+660	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồi Phù		0+660	0,65	0,90		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
2937	Qua đường K1+430	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồi Phù		1+430	0,60	0,90		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
2938	7 K0+558	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum		0+558			0,80	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2939	11 K0+835	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum		0+835			0,80	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2940	14 K1+150	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum		1+150			0,80	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2941	16 K1+240	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum		1+240			0,80	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2942	20 K1+324	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum		1+324			0,80	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2943	23 K1+567	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum		1+567			0,80	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
2944	Qua đường K0+397	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồi Phù		0+397	0,60	0,80		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
2945	Qua đường K0+603	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồi Phù		0+603	0,60	0,80		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
2946	Qua đường K0+072	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồi Phù		0+072	0,75	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
2947	Qua đường K1+005	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồi Phù		1+005	0,60	0,55		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2					Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)				Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø							
2948	Qua đường K0+938	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồi Phù		0+938	0,50	0,65		1								Cổng	Nhỏ	Tưới		
2949	Qua đường K1+240	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồi Phù		1+240	0,65	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới		
2950	Kênh cấp 3 do HTX quản lý K1+202	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồi Phù	Trái	1+202	0,50	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tưới		
2951	1 K0+106	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Dẫn bể xả Tb Gò Sum	Phải	0+106			0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tưới		
2952	18 K1+319	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Phải	1+319			0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2953	Qua đường K0+838	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồi Phù		0+838	0,60	0,45		1								Cổng	Nhỏ	Tưới		
2954	Tưới K0+225	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồi Phù	Trái	0+225	0,40	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới		
2955	Tiêu K0+496	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ	Trái	0+496			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2956	Tiêu K0+620	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ	Trái	0+620			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2957	Tiêu K0+728	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ	Trái	0+728			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2958	Tiêu K0+811 trái	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ	Trái	0+811			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2959	Tiêu K0+811 phải	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ	Phải	0+811			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2960	Tiêu K1+083	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ	Trái	1+083			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2961	Tiêu K1+359	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ	Trái	1+359			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2962	Tiêu K1+407	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ	Trái	1+407			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		
2963	Tiêu K0+640	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồng Mạ	Phải	0+640			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2964	Tường K0+329	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồi Phù	Trái	0+329				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tươi			
2965	1 K0+090	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Phải	0+090				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2966	3 K0+236	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Trái	0+236				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2967	5 K0+459	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Trái	0+459				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2968	6 K0+558	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Phải	0+558				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2969	8 K0+566	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Trái	0+566				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2970	9 K0+664	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Trái	0+664				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2971	10 K0+832	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Phải	0+832				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2972	12 K0+840	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Trái	0+840				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2973	13 K0+978	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Trái	0+978				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2974	15 K1+230	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Trái	1+230				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2975	17 K1+310	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Trái	1+310				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2976	19 K1+323	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Trái	1+323				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2977	21 K1+329	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Trái	1+329				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2978	22 K1+347	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Trái	1+347				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2979	24 K1+572	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Gò Sum	Trái	1+572				0,40	1					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2980	Qua đường K1+496	Quốc Oai	Hòa Thạch	Kênh	Tb Đồi Phù		1+496				0,30	1					Cổng	Nhỏ	Tươi			
2981	Tiêu K0+100	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc	Trái	0+100	0,85	1,10		2	V1					Cổng	Vừa	Tươi			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2982	Qua đường K2+400	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Đầm Bung 1		2+400	1,20	1,50		2						Cổng	Vừa	Tiêu			
2983	Qua đường K1+200	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Đầm Bung 1		1+200	3,00	1,50		2						Cổng	Vừa	Tiêu			
2984	T9 K1+300	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		1+300	1,60	1,50		1						Cổng	Vừa	Tiêu			
2985	Qua đường K1+295	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Láng Trai		1+295	1,50	1,80		1	V2	TC				Cổng	Vừa	Tiêu			
2986	Dọc kênh K0+311	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		0+311	1,20	1,00		2						Cổng	Vừa	Tưới			
2987	Dọc kênh K0+205	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		0+205	1,80	1,20		1						Cổng	Vừa	Tưới			
2988	Tiêu tự chảy Thông Đạt K0+00	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Tb Thông Đạt		0+000	1,50	2,00		1	V3	TC				Cổng	Vừa	Tiêu			
2989	Xã Tb Vĩnh Phúc K0+00	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		0+000	1,20	1,70		2	V3	TC				Cổng	Vừa	Tiêu			
2990	Xã Tb Thông Đạt K0+135	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Tb Thông Đạt	Phải	0+135	1,90	2,10		2	V3	TC				Cổng	Vừa	Tiêu			
2991	Tiêu tự chảy Hàm Rồng K0+00	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Láng Trai		0+000	1,20	1,50		1	V3	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2992	Đt K0+4	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		0+400	1,30	1,50		1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới			
2993	T9 K2+300	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	2+300	1,30	1,20		1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2994	Trên kênh K0+264	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		0+264	1,10	2,00		1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2995	Qua đường K0+170	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		0+170	1,30	1,90		1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2996	Qua đường K1+347	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Láng Trai		1+347	1,20	1,40		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
2997	Tiêu K1+00	Quốc Oai	Liên Tuyệt	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		1+000	1,20	1,30		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
2998	Dọc kênh K0+218	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		0+218	1,30	1,00		1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
2999	Tưới K0+05	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		0+050	1,10	1,10		1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
3000	Tiêu tự chảy Vĩnh Phúc K0+00	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		0+000	1,20	1,50		1	V3	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3001	Đt K0+00	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		0+000	0,95	1,05		1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3002	Tiêu K2+957	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	2+957			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3003	Dọc kênh K0+128	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Láng Trai		0+128			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3004	Dọc kênh Sao Vàng K0+765	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Láng Trai		0+765			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3005	Tiêu K1+02	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc	Phải	1+020	0,80	0,90		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3006	Tiêu K2+545	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Đầm Bung 1		2+545	0,80	0,80		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3007	Tiêu K1+305	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc	Phải	1+305	0,80	0,80		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3008	Tiêu K1+340	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	1+340			0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3009	Tiêu K2+776	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	2+776			0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3010	Dọc kênh K0+380	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Láng Trai		0+380			0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3011	Dọc kênh K1+465	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Láng Trai		1+465			0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3012	Tiêu K1+217	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Tb Thông Đạt	Trái	1+217	0,50	0,60		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3013	Tưới K0+292	Quốc Oai	Liên Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc	Phải	0+292			0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tưới			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2					Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3014	Tiêu K0+507	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc	Trái	0+507	0,40	0,70		1								Cống	Nhỏ	Tiêu	
3015	Tưới K0+206	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc	Trái	0+206	0,40	0,60		1								Cống	Nhỏ	Tưới	
3016	Tưới K0+03	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		0+030	0,40	0,60		1								Cống	Nhỏ	Tưới	
3017	Tưới K1+190	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc	Trái	1+190	0,40	0,60		1								Cống	Nhỏ	Tưới	
3018	Tưới K0+300	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc	Phải	0+300	0,40	0,60		1								Cống	Nhỏ	Tưới	
3019	Tiêu K0+986	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Thông Đạt	Trái	0+986	0,40	0,60		1								Cống	Nhỏ	Tiêu	
3020	Tưới K0+50	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		0+500	0,40	0,50		1								Cống	Nhỏ	Tưới	
3021	Tưới K1+231	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc	Phải	1+231	0,20	1,00		1								Cống	Nhỏ	Tưới	
3022	Vòm K0+807	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc	Phải	0+807			0,50	1								Cống	Nhỏ	Tiêu	
3023	Tưới K1+277	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc	Phải	1+277	0,20	0,80		1								Cống	Nhỏ	Tưới	
3024	Tiêu K2+350	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	2+350	0,40	0,40		1								Cống	Nhỏ	Tiêu	
3025	Tưới K1+386	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc	Trái	1+386			0,40	1								Cống	Nhỏ	Tưới	
3026	Tiêu K0+860	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	0+860			0,40	1								Cống	Nhỏ	Tiêu	
3027	Tiêu K1+36	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Đầm Bung 1	Phải	1+36			0,40	1								Cống	Nhỏ	Tiêu	
3028	Tiêu K1+45	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Đầm Bung 1	Phải	1+45			0,40	1								Cống	Nhỏ	Tiêu	
3029	Tiêu K1+158	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	1+158			0,40	1								Cống	Nhỏ	Tiêu	
3030	Tiêu K2+336	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	2+336			0,40	1								Cống	Nhỏ	Tiêu	
3031	Tiêu K2+957	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Đầm Bung 1	Phải	2+957			0,40	1								Cống	Nhỏ	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3032	Tiêu K0+659	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		Phải	0+659			0,40	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3033	Tuối K0+493	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		Trái	0+493			0,30	1							Cống	Nhỏ	Tuối	
3034	Tuối K0+828	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		Trái	0+828			0,30	1							Cống	Nhỏ	Tuối	
3035	Tuối K0+950	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		Phải	0+950			0,30	1							Cống	Nhỏ	Tuối	
3036	Tiêu K0+994	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		Phải	0+994			0,30	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3037	Tuối K0+937	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		Trái	0+937			0,20	1							Cống	Nhỏ	Tuối	
3038	Tuối K1+105	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		Phải	1+105			0,20	1							Cống	Nhỏ	Tuối	
3039	Tuối K1+40	Quốc Oai	Liệp Tuyết	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		Phải	1+400			0,15	1							Cống	Nhỏ	Tuối	
3040	Qua kênh K2+283	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18			2+283		3,50	1,50	1							Cầu			
3041	Qua kênh K2+926	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18			2+926		3,50	1,50	1							Cầu			
3042	Qua kênh K3+339	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18			3+339		3,50	1,50	1							Cầu			
3043	Qua kênh K2+281	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N7B			2+281		4,30	1,30	1							Cầu			
3044	Qua kênh K2+912	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N7B			2+912		4,30	1,30	1							Cầu			
3045	Qua kênh K0+35	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Day Trại Nội			0+350		7,90	1,60	1							Cầu			
3046	Qua kênh K0+165	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Day Trại Nội			0+165		7,90	1,60	1							Cầu			
3047	Qua kênh K0+234	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Day Trại Nội			0+234		7,90	1,60	1							Cầu			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3048	Qua kênh K0+497	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Day Trại Nội		0+497	7,90	1,60		1								Cầu			
3049	Qua kênh K0+431	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Trưa		0+431	5,50	1,50		1								Cầu			
3050	Qua kênh K1+009	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Trưa		1+009	5,50	1,50		1								Cầu			
3051	Qua kênh K0+257	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng xóm đảm 4		0+257	7,30	1,60		1								Cầu			
3052	Qua kênh K0+559	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng xóm đảm 4		0+559	7,30	1,60		1								Cầu			
3053	Qua kênh K0+860	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng xóm đảm 4		0+860	7,30	1,60		1								Cầu			
3054	Qua kênh K0+890	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ		0+890	6,30	1,80		1								Cầu			
3055	Qua kênh K0+750	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Vào Tb Trại Ro		0+750	16,50	2,60		1								Cầu			
3056	Văn Quang K8+230	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đảm Bung 2		8+230	2,40	2,80		2	V2	TC						Cống	Vừa	Tiêu	
3057	Đt Văn Quang K0+000	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đảm Bung 1		0+000	2,00	3,00		2	V2	TC						Cống	Vừa	Tiêu	
3058	Tiêu K0+426	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đảm Bung 1	Phải	0+426	4,50	4,50		1	V5	TC						Cống	Vừa	Tiêu	
3059	Tiêu vào Tb Trại Ro K0+363 K0+363	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đảm Bung 1	Trái	0+363	4,50	2,00		2	V5	TC						Cống	Vừa	Tiêu	
3060	Tưới K2+565	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18		2+565	2,40	1,30		1								Cống	Vừa	Tưới	
3061	Đt K3+578	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18		3+578	1,70	1,20		1								Cống	Vừa	Tưới	
3062	Dọc kênh K0+525	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Day-Trại Nội		0+525	2,00	1,00		1	V2	TC						Cống	Vừa	Tiêu	
3063	Tiêu Tư Phần K4+246	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đảm Bung 2	Trái	4+246	1,50	1,30		1								Cống	Vừa	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3064	Qua đường K0+250	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ		0+250				0,80	2							Cống	Vừa	Tiêu	
3065	Láng Trại K2+100 K2+100	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đầm Bung 1		2+100	1,40	1,20			1	V1	TC					Cống	Nhỏ	Tiêu	
3066	Trại Nội K0+00	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Day-Trại Nội		0+000	1,20	1,60			1	V1	TC					Cống	Nhỏ	Tiêu	
3067	Dầm 4 K0+00	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4		0+000	1,40	1,20			1	V1	TC					Cống	Nhỏ	Tiêu	
3068	Tiêu K0+12	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Phải	0+120	0,80	0,70			1	V1	TC					Cống	Nhỏ	Tiêu	
3069	Dọc kênh K0+365	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4		0+365	1,20	0,80			1	V1	TC					Cống	Nhỏ	Tiêu	
3070	Đt K0+100 K0+100	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đầm Bung 1	Phải	0+100	1,40	1,50			1	V2	TC					Cống	Nhỏ	Tiêu	
3071	Tiêu K0+563	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đầm Bung 1	Phải	0+563	1,40	1,50			1	V2	TC					Cống	Nhỏ	Tiêu	
3072	Qua đường K0+703	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		0+703	1,40	1,40			1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3073	Qua đường K0+662	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Trưa		0+662	1,40	1,30			1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3074	Qua đường K4+178	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18		4+178	1,20	1,50			1							Cống	Nhỏ	Tưới	
3075	Đồng Xóm Dầm 4 K2+200 K2+200	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đầm Bung 1		2+200	1,30	1,20			1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3076	Dọc kênh K0+382	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Day-Trại Nội		0+382	1,20	1,20			1	V2	TC					Cống	Nhỏ	Tiêu	
3077	Qua đường K2+618	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N7B		2+618	1,10	1,20			1							Cống	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3078	Tiêu K0+938	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Trái	0+938	1,10	1,20	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3079	Qua đường K0+842	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Trưa		0+842	1,20	1,10	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3080	Đt trên kênh K2+578	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N7B		2+578	1,00	1,30	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới				
3081	Tiêu K0+735	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Phải	0+735	1,10	1,10	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3082	Chói Đèn K0+50	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ		0+500	1,00	1,20	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3083	Tiêu K1+143	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Trái	1+143	1,00	1,20	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3084	Qua đường K0+520	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ		0+520	1,30	0,90	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3085	Tiêu K0+725	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Trái	0+725	1,00	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3086	Qua đường K0+730	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ		0+730	1,00	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3087	Tiêu K0+886	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Trái	0+886	1,00	1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3088	Tưới K3+231	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N7B	Phải	3+231	1,10	0,90	1						Cổng	Nhỏ	Tưới				
3089	Dọc kênh K0+670	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4		0+670	1,20	0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3090	Qua đường K4+412	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18		4+412	1,00	0,90	1						Cổng	Nhỏ	Tưới				
3091	Cửa xả Tb Đồng Bùn K4+705	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Phải	4+705	1,00	0,60	1						Cổng	Nhỏ					
3092	Tiêu K1+563	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Trái	1+563	1,00	0,90	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3093	Dọc kênh K0+238	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4		0+238	0,80	1,10	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu				

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3094	Qua đường K1+730	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ		1+730	0,90	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3095	Tiêu K0+667	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Trái	0+667	0,90	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3096	Tưới K2+562 Tả	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Trái	2+562	0,80	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
3097	Tưới K2+562 Hữu	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Phải	2+562	0,80	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
3098	Cửa xả Tb Cầu K2+610	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N7B	Phải	2+610	0,90	0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
3099	Tiêu K0+368	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Phải	0+368	0,80	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3100	Đt K4+707	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18		4+707	0,70	1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
3101	Tiêu K1+045	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ		1+045	0,80	0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3102	Tiêu K1+053	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Trái	1+053	0,80	0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3103	Tiêu K0+242	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Trái	0+242	0,80	0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3104	Tiêu K0+291	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Trái	0+291	0,60	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3105	Tiêu K0+294	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Phải	0+294	0,60	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3106	Tiêu K0+383	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Trái	0+383	0,60	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3107	Tiêu K0+385	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Phải	0+385	0,60	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3108	Tiêu K0+470	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Trái	0+470	0,60	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3109	Tiêu K0+472	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Phải	0+472	0,60	0,90	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3110	Tiêu K0+790	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Trái	0+790	0,60	0,90		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3111	Tiêu K0+515	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Phải	0+515			0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3112	Tiêu K0+10	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Phải	0+100			0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3113	Tiêu K0+696	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Phải	0+696			0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3114	Dọc kênh K0+895	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4		0+895			0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3115	Tưới K0+186	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Trưa	Trái	0+186			0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3116	Tưới K0+667	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Trưa	Phải	0+667			0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3117	Tưới K2+623	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N7B	Trái	2+623	0,60	0,80		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3118	Tiêu K0+368	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Trái	0+368	0,60	0,70		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3119	Tiêu K0+865	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Phải	0+865			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3120	Đầu kênh K0+000	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Trưa		0+000			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3121	Tưới K3+912 Phải	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Phải	3+912	0,55	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3122	Tưới K3+912 trái	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Trái	3+912	0,55	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3123	Tưới K2+626	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N7B	Phải	2+626	0,50	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3124	Tưới K2+776	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Trái	2+776	0,40	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3125	Tưới K4+300	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Phải	4+300	0,40	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3126	Tưới K4+391	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Phải	4+391	0,40	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3127	Tiêu K0+242	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Trái	0+242	0,40	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2					Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3128	Tuổi K2+377	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Phải	2+377				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3129	Tuổi K2+446	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Trái	2+446				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3130	Tuổi K2+493	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Trái	2+493				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3131	Tuổi K2+539	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Trái	2+539				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3132	Tuổi K2+587	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Trái	2+587				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3133	Tuổi K2+626	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Phải	2+626				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3134	Tuổi K2+632	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Trái	2+632				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3135	Tuổi K2+678	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Trái	2+678				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3136	Tuổi K2+722	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Trái	2+722				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3137	Tuổi K2+747	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Phải	2+747				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3138	Tuổi K2+923	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Phải	2+923				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3139	Tuổi K2+980	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Phải	2+980				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3140	Tuổi K3+004	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Trái	3+004				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3141	Tuổi K3+043	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Phải	3+043				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3142	Tuổi K3+920 trái	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Trái	3+920				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3143	Tuổi K3+920 phải	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Phải	3+920				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3144	Tiêu K0+725	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Phải	0+725				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
3145	Tiêu K0+897	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Phải	0+897				0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3146	Tiêu K1+060	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Phải	1+060				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3147	Tiêu K1+345	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Phải	1+345				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3148	Tiêu K1+400	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Phải	1+400				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3149	Tiêu K1+508	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Phải	1+508				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3150	Tiêu K0+500	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	0+500				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3151	Tiêu K0+523	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Day - Trại Nội	Phải	0+523				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3152	Tiêu K0+241	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Phải	0+241				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3153	Tiêu K0+517 phải	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Phải	0+517				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3154	Tiêu K0+517 trái	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Trái	0+517				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3155	Tiêu K0+608 phải	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Phải	0+608				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3156	Tiêu K0+608 trái	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Trái	0+608				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3157	Dọc kênh K0+934	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4		0+934				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3158	Tiêu K0+975	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Trái	0+975				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3159	Tiêu K1+62	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Trái	1+62				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3160	Tiêu K1+158	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Xóm - Dầm 4	Trái	1+158				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3161	Tươi K0+342	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Trưa	Phải	0+342				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3162	Tươi K0+348	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Trưa	Phải	0+348				0,50	1							Cống	Nhỏ	Tiêu	
3163	Tươi K2+400	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Trái	2+400	0,35	0,50			1							Cống	Nhỏ	Tươi	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình					Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3164	Tuổi K3+818	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N18		Trái	3+818	0,30	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3165	Tuổi K0+844	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh Đồng Trưa		Phải	0+844			0,40	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3166	Tuổi K2+316	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N7B		Trái	2+316	0,30	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3167	Tuổi K2+318	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N7B		Phải	2+318	0,30	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3168	Tuổi K2+341	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N7B		Phải	2+341	0,30	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3169	Tuổi K2+359	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N7B		Phải	2+359	0,30	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3170	Tuổi K2+360	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N7B		Trái	2+360	0,30	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3171	Tuổi K2+424	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N7B		Trái	2+424	0,30	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3172	Tuổi K2+445	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N7B		Trái	2+445	0,30	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3173	Tuổi K2+450	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N7B		Phải	2+450	0,30	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3174	Tuổi K2+544	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N7B		Trái	2+544	0,30	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3175	Tuổi K2+725	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N7B		Trái	2+725	0,30	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3176	Tuổi K2+412	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N7B		Phải	2+412	0,30	0,30		1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3177	Tuổi K4+921	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N18		Trái	4+921	0,25	0,30		1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3178	Tuổi K3+342	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N18		Trái	3+342			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3179	Tuổi K3+437	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N18		Trái	3+437			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3180	Tuổi K3+581	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N18		Phải	3+581			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	
3181	Tuổi K3+770	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh N18		Phải	3+770			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3182	Tuổi K4+174	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Phải	4+174			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3183	Tuổi K4+175	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N18	Trái	4+175			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3184	Tuổi K2+547	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N7B	Phải	2+547			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3185	Tuổi K2+604	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N7B	Phải	2+604			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3186	Tuổi K2+727	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N7B	Phải	2+727			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3187	Tuổi K3+189	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N7B	Trái	3+189			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3188	Tuổi K3+225	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	N7B	Phải	3+225			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3189	Tiêu K0+241	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Phải	0+241			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3190	Tiêu K0+527	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Thế Trụ	Phải	0+527			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3191	Tiêu K0+230 K0+230	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	0+230			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3192	Tiêu K0+438	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đầm Bung 1	Phải	0+438			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3193	Tiêu K0+532	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đầm Bung 1	Phải	0+532			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3194	Tiêu K0+197	Quốc Oai	Nghĩa Hương	Kênh	Đồng Day-Trại Nội	Phải	0+197			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3195	Qua kênh K3+100	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đầm Bung 1		3+100	13,30	3,00		1						Cầu					
3196	Qua kênh K3+187	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đầm Bung 1		3+187	13,30	3,00		1						Cầu					
3197	Qua kênh K3+220	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đầm Bung 1		3+220	13,30	3,00		1						Cầu					
3198	Qua kênh K3+720	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đầm Bung 1		3+720	13,30	3,00		1						Cầu					
3199	Qua kênh K0+87	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ		0+870	10,20	1,70		1						Cầu					

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2					Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành				
						Bờ	Km					B	H	Ø				B			
3200	Qua kênh K0+100	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Ma Vương		0+100	7,80	2,10	1								Cầu			
3201	Qua kênh K0+290	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Ma Vương		0+290	7,80	2,10	1								Cầu			
3202	Qua kênh K0+07	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Phượng Trù đến T10		0+07	6,80	1,90	1								Cầu			
3203	Ngã Tư K1+580	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Thông Đạt		1+580	10,20	2,30	1								Cầu			
3204	Qua kênh K1+885	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Thông Đạt		1+885	10,20	2,30	1								Cầu			
3205	Qua kênh K1+950	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Thông Đạt		1+950	10,20	2,30	1								Cầu			
3206	Qua kênh K2+370	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Thông Đạt		2+370	10,20	2,30	1								Cầu			
3207	Qua kênh K2+430	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Thông Đạt		2+430	10,20	2,30	1								Cầu			
3208	Qua kênh K2+615	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Thông Đạt		2+615	10,20	2,30	1								Cầu			
3209	1 - CDK K0+000	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu		0+000	1,90	2,50	1	V3	TC						Cổng	Vừa	Tiêu	
3210	1- CDK K0+000	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Địa Thệ		0+000	1,60	2,40	1	V3	TC						Cổng	Vừa	Tiêu	
3211	Tiểu Ma Vương K0+409	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Thông Đạt	Phải	0+409	1,40	1,70	2	V1	TC						Cổng	Vừa	Tiêu	
3212	Ma Vương K0+00	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Ma Vương		0+000	1,20	1,75	2	V1	TC						Cổng	Vừa	Tiêu	
3213	8 - CTrên kênh K0+345	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu		0+345	3,50	2,50	1								Cổng	Vừa	Tiêu	
3214	2 - CTrên kênh K0+480	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Địa Thệ		0+480	3,00	2,50	1								Cổng	Vừa	Tiêu	
3215	5 - CTrên kênh K0+668	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Địa Thệ		0+668	3,00	2,50	1								Cổng	Vừa	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3216	Qua Đê K0+120	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Xá Tb Địa Thệ		0+120	1,80	2,70		1							Cổng	Vừa	Tiêu		
3217	7 - CTrên kênh K1+150	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Địa Thệ		1+150			1,60	2							Cổng	Vừa	Tiêu		
3218	Qua đường K0+376	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ		0+376	1,90	1,80		1							Cổng	Vừa	Tiêu		
3219	Qua đường K1+341	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ		1+341	2,00	1,20		1							Cổng	Vừa	Tiêu		
3220	Qua đường K1+135	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ		1+135	1,50	1,50		1	V2	TC					Cổng	Vừa	Tiêu		
3221	14 - CQĐ CTrên kênh K0+780	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu		0+780	1,50	1,50		1	V2	TC					Cổng	Vừa	Tiêu		
3222	8 - C trên kênh K1+270	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Địa Thệ		1+270			1,60	1	V1	TC					Cổng	Vừa	Tiêu		
3223	Xá Tb	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	TB Địa Ma		0+005	1,60	2,00		2	V3	TC					Cổng	Vừa	Tươi		
3224	Tiêu Ngọc Phúc K0+00	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ		0+000	1,00	1,10		1	V5	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3225	Tiêu Địa Ma K0+135	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Thường Lạc - Địa Ma		0+135	1,00	1,20		1	V2	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3226	Đồng Gia K4+450	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đầm Bung 1		4+450			0,60	1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3227	Đồng Vỡ K1+438	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Thông Đạt	Phải	1+438	1,30	1,40		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3228	Qua đường K1+507	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ		1+507	1,20	1,30		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3229	Tiêu Đồng Vỡ K0+950	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ		0+950	1,20	1,40		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3230	Qua đường 1 K0+695	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Thường Lạc - Địa Ma		0+695			0,80	1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành			
						Bờ	Km					B	H	Ø						
3231	Tiêu K0+285	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Ma Vương	Trái	0+285	0,60	0,90	1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu
3232	6 - CTrên kênh Cuối Làng K0+957	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Địa Thệ		0+957	1,40	5,00	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu
3233	Dọc kênh K0+82	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ		0+820	1,20	2,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
3234	Qua Đê K0+050	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Xá Tb Ba Tàu		0+050	1,40	2,10	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu
3235	10 - CTrên kênh K0+598	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu		0+598	1,00	1,50	1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu
3236	Tiêu K3+830	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đầm Bung 1	Phải	3+830	1,20	1,20	1	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu
3237	Qua đường K0+839	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ		0+839	1,20	1,20	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
3238	15 - CQĐ Ruộng K0+789	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu	Trái	0+789	1,20	1,20	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
3239	Qua đường K0+403	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	N14		0+403	1,10	1,20	1								Cổng	Nhỏ	Tươi
3240	Qua đường K1+118	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ		1+118	1,10	1,10	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
3241	16 - CQĐ Ruộng K0+170	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu		0+170	1,00	1,20	1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu
3242	Qua đường K1+129	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ		1+129	1,20	0,70	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
3243	Qua đường K0+142	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	N14		0+142	0,90	0,90	1								Cổng	Nhỏ	Tươi
3244	Tiêu K0+40	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Ma Vương	Trái	0+400	0,80	1,00	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
3245	Qua đường K1+095	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	N16		1+095			1								Cổng	Nhỏ	Tươi

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Tiết diện (m)			Vận hành			
						Bờ	Km	B	H	Ø	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm		
3246	Tiêu K0+959	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Phải	0+959			1,00				1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3247	9 - CTrên kênh K1+440	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Địa Thệ		1+440			1,00				1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3248	2 - CQĐ K0+038	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu	Trái	0+038			1,00				1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3249	Qua đường K1+697	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ		1+697	1,00	0,70					1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3250	Tiêu K1+517 Trái	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Trái	1+517	1,10	0,60					1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3251	Qua đường K1+853	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ		1+853	0,80	0,80					1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3252	Tiêu K0+368	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Trái	0+368	0,80	0,80					1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3253	Tiêu K0+450	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Phải	0+450	0,70	0,80					1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3254	Tiêu K0+580	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Phải	0+580	0,70	0,80					1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3255	Tiêu K0+614	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Trái	0+614	0,70	0,80					1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3256	Tiêu K0+816	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Thông Đạt	Phải	0+816			0,80				1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3257	Qua đường K0+392	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	N14		0+392	0,60	0,80					1		Cổng Nhỏ	Tưới
3258	Tiêu K0+95	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Phải	0+95	0,60	0,80					1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3259	Tiêu K0+392	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Phải	0+392	0,60	0,80					1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3260	Tiêu K1+517 Phải	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Phải	1+517	0,60	0,80					1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3261	Tiêu K0+213	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Trái	0+213			0,65				1		Cổng Nhỏ	Tiêu
3262	Tiêu K1+665	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Thông Đạt	Phải	1+665	0,50	0,60					1		Cổng Nhỏ	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H						
3263	Tuới K0+137	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	N14	Trái	0+137				0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tuới	
3264	Tiêu K3+772	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	3+772	0,40	0,60			1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3265	Tuới K0+780	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	N16	Phải	0+780				0,50	1						Cổng	Nhỏ	Tuới	
3266	Qua đường K0+781	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	N16		0+781				0,50	1						Cổng	Nhỏ	Tuới	
3267	Qua đường K0+858	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	N16		0+858				0,50	1						Cổng	Nhỏ	Tuới	
3268	Qua đường K0+924	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	N16		0+924				0,50	1						Cổng	Nhỏ	Tuới	
3269	Qua đường K1+003	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	N16		1+003				0,50	1						Cổng	Nhỏ	Tuới	
3270	Qua đường K1+087	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	N16		1+087				0,50	1						Cổng	Nhỏ	Tuới	
3271	Tiêu K1+341	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Trái	1+341				0,50	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3272	Tiêu K4+400	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	4+400	0,30	0,50			1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3273	Tiêu K4+100	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	4+100				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3274	Tiêu K4+195	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	4+195				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3275	Tiêu K4+405	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đầm Bung 1	Trái	4+405				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3276	Tiêu K0+330	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Thông Đạt	Phải	0+330				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3277	Tiêu K0+07	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Ma Vương	Trái	0+070				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3278	Tiêu K0+447 trái	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Trái	0+447				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3279	Tiêu K0+447 phải	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Trái	0+447				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3280	Tiêu K0+706	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Phải	0+706				0,40	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm	Vận hành		
						Bờ	Km	B	H	Ø	B	H	Ø				
3281	Tiêu K0+757	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Phải	0+757			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3282	Tiêu K1+340	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Phải	1+340			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3283	Tiêu K1+710	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Trái	1+710			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3284	Tiêu K1+816	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Trái	1+816			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3285	Tiêu K0+560	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Trái	0+560			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3286	3 - CQĐ K0+495	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Địa Thệ	Trái	0+495			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3287	4 - CQĐ K0+495	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Địa Thệ	Phải	0+495			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3288	3 - CQĐ K0+068	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu	Phải	0+068			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3289	4 - CQĐ K0+140	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu	Trái	0+140			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3290	5 - CQĐ K0+195	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu	Phải	0+195			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3291	6 - CQĐ K0+250	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu	Phải	0+250			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3292	7 - CQĐ K0+280	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu	Trái	0+280			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3293	9 - CQĐ K0+530	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu	Trái	0+530			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3294	11 - CQĐ K0+638	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu	Trái	0+638			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3295	12 - CQĐ K0+685	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu	Phải	0+685			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3296	13 - CQĐ K0+780	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Tb Ba Tàu	Phải	0+780			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3297	Tiêu K3+475	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đầm Bưng 1	Phải	3+475	0,30	0,40		1					Cổng Nhỏ	Tiêu
3298	Tiêu K1+136	Quốc Oai	Ngọc Liệp	Kênh	Đồng Vỡ	Trái	1+136			0,30	1					Cổng Nhỏ	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)							Số cửa	Máy đm	Vận hành																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										</

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3316	Tiêu luồn dưới kênh K1+367	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Bùn		1+367	1,70	1,40		1					Cổng	Vừa	Tiêu				
3317	Trên kênh K0+682	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Gia		0+682	1,50	1,50		1	V2	TC			Cổng	Vừa	Tiêu				
3318	Trên kênh K0+875	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Gia		0+875	1,50	1,50		1	V2	TC			Cổng	Vừa	Tiêu				
3319	Qua đường K0+00	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Côm		0+000	1,50	1,50		1	V2	TC			Cổng	Vừa	Tiêu				
3320	Qua đường K2+290	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Bùn		2+290	1,50	1,00		1					Cổng	Vừa	Tiêu				
3321	Qua đường K0+00	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trù - T10		0+000	0,80	1,00		1	V2	TC			Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3322	Tưới K22+046	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	22+046	0,90	0,90		1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tưới				
3323	Đầu kênh K0+00	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18		0+000	0,90	0,90		1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tưới				
3324	Văng Lai K0+00	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Gia		0+000	1,00	1,00		1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3325	Đt trên kênh K1+710	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Bùn		1+710	1,00	1,20		1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3326	Đt trên kênh K2+532	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Tb Thông Đạt		2+532	1,20	1,20		1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3327	Qua đường K0+471	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trù - T10		0+471			0,60	1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3328	Âm Giang K0+921	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trù - T10		0+921			0,80	1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3329	Tưới K1+878	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Phải	1+878	0,60	3,80		1					Cổng	Nhỏ	Tưới				
3330	Đồng Sinh 3 K2+018	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Tb Thông Đạt	Trái	2+018	1,20	1,40		1					Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3331	Qua đường K0+125	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trù - T10		0+125	1,40	1,20		1					Cổng	Nhỏ	Tiêu				
3332	Qua đường K2+364	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18		2+364	1,30	1,10		1					Cổng	Nhỏ	Tưới				

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3333	Tuối K2+944	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Tb Thông Đạt		2+944	1,10	1,20		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3334	Tiêu K0+02	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Côm	Trái	0+020	1,10	1,20		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3335	Đt K0+562	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18		0+562	1,00	1,30		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tuối		
3336	Tiêu K1+726	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Bùn	Phải	1+726	1,10	1,00		1	V2	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3337	Tiêu K2+017	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Bùn	Phải	2+017	1,00	1,00		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3338	Tiêu K1+618	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Bùn	Phải	1+618	0,80	1,20		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3339	Đồng Sinh 1 K2+200	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Tb Thông Đạt	Trái	2+200	0,80	1,10		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3340	Qua đường K2+378	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Tb Thông Đạt	Phải	2+378	0,80	1,00		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3341	Tiêu K2+170	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Bùn	Phải	2+170			1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3342	Trên kênh K0+218	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Gia		0+218			1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3343	Qua đường K0+116	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 3		0+116			1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3344	Qua đường K0+217	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 3		0+217			1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3345	Qua đường K0+340	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 3		0+340			1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3346	Qua đường K0+360	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 3		0+360			1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3347	Trên kênh K0+105	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Côm		0+105			1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3348	Trên kênh K0+214	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Côm		0+214			1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3349	Trên kênh K0+350	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Côm		0+350			1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3350	Trên kênh K0+216	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trù - T10		0+216			1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa		Máy đm	Vận hành			
						Bờ	Km	B	H	Ø							
3351	Trên kênh K0+359	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trì - T10		0+359			1,00	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
3352	Tiêu K1+385	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Bùn	Phải	1+385	0,80	0,90		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
3353	Qua đường K1+085	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo		1+085	0,80	0,80		1				Cổng	Nhỏ	Tưới
3354	Đầu kênh K0+00	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 3		0+000	0,70	0,90		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
3355	Tiêu K0+475	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trì - T10	Trái	0+475	0,60	1,00		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
3356	Đt trên kênh K0+432	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Gia		0+432	0,70	0,80		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
3357	Tiêu K1+225	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Bùn	Phải	1+225			0,80	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
3358	Qua đường K1+180	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo		1+180			0,80	1				Cổng	Nhỏ	Tưới
3359	Đt trên kênh K0+438	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Gia		0+438			0,80	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
3360	Đầu kênh K0+00	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 1		0+000			0,80	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
3361	Qua đường K0+550	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 1		0+550			0,80	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
3362	Cuối kênh K0+770	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 1		0+770			0,80	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
3363	Thanh Tre K0+680	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Côm		0+680			0,80	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
3364	Qua đường K0+683	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trì - T10		0+683			0,80	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
3365	Qua đường K1+060	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trì - T10		1+060			0,80	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu
3366	Tiêu K0+72	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trì - T10	Phải	0+720	0,60	0,80		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình					Thông số kỹ thuật cửa loại 1					Thông số kỹ thuật cửa loại 2					Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3367	Tiêu K0+220	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trù - T10	Phải	0+220	0,60	0,80		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3368	Tiêu K0+913	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trù - T10	Trái	0+913	0,60	0,70		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3369	Tưới K1+223	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Trái	1+223	0,60	0,60	0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3370	Tưới K1+640	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Phải	1+640	0,40	0,85		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3371	Tưới K21+904	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	21+904	0,50	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3372	Tưới K1+802	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Phải	1+802	0,50	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3373	Tiêu K2+198	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Tb Thông Đạt	Phải	2+198	0,50	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3374	Tưới K1+733	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Trái	1+733	0,45	0,65		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3375	Tưới K1+814	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Phải	1+814	0,45	0,65		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3376	Qua đường K1+190	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trù - T10		1+190			0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3377	Tiêu K1+341	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Bùn	Trái	1+341	0,50	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3378	Tiêu K0+90	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Côm	Trái	0+90	0,40	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3379	Tiêu K0+14	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trù - T10	Phải	0+140	0,40	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3380	Tiêu K0+299	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trù - T10	Phải	0+299	0,40	0,60		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3381	Tưới K21+048	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	21+048	0,40	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3382	Tưới K22+452	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	22+452	0,40	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3383	Tưới K0+239	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Phải	0+239	0,50	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình					Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3384	Tưới K1+578	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Trái	1+578	0,40	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3385	Con Cua K1+767	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Trái	1+767	0,40	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3386	Tưới K1+921	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Trái	1+921			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3387	Tiêu K1+273	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Bùn	Trái	1+273			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3388	Tưới K1+132	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Trái	1+132			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3389	Tưới K1+133	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Phải	1+133			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3390	Tưới K1+222	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Phải	1+222			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3391	Tiêu K0+435	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Gia	Trái	0+435			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3392	Tiêu K0+110 phải	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 1	Phải	0+110			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3393	Tiêu K0+110 trái	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 1	Trái	0+110			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3394	Qua đường K0+114	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 1		0+114			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3395	Qua đường K0+214	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 1		0+214			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3396	Tiêu K0+216	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 1	Phải	0+216			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3397	Tiêu K0+310	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 1	Phải	0+310			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3398	Qua đường K0+313	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 1		0+313			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3399	Tiêu K0+456	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 1	Phải	0+456			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3400	Qua đường K0+459	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 1		0+459			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3401	Tiêu K0+462	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 1	Phải	0+462			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3402	Tiêu K0+111	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 3	Phải	0+111			0,50	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3403	Tiêu K0+119	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 3	Phải	0+119			0,50	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3404	Tiêu K0+214	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 3	Phải	0+214			0,50	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3405	Tiêu K0+348	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 3	Phải	0+348			0,50	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3406	Tiêu K0+365 phải	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 3	Phải	0+365			0,50	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3407	Tiêu K0+365 trái	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 3	Trái	0+365			0,50	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3408	Tưới K2+286	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Phải	2+286	0,30	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3409	Tiêu K0+014	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 3	Phải	0+014	0,40	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3410	Qua đường K1+250	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trì - T10		1+250	0,40	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3411	Tưới K1+730	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Phải	1+730	0,35	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3412	Tưới K22+218	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	22+218			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3413	Tưới K22+279	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	22+279			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3414	Tưới K1+119	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Phải	1+119			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3415	Qua đường K1+935	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Bùn		1+935			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3416	Tiêu K0+443	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Gia	Trái	0+443			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3417	Qua đường K0+470	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 3		0+470			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3418	Cuối kênh K0+590	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 3		0+590			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3419	Tiêu K2+706	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Tb Thông Đạt	Trái	2+706			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình					Thông số kỹ thuật cửa loại 1					Thông số kỹ thuật cửa loại 2					Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3420	Tiêu K2+714	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Tb Thông Đạt	Trái	2+714			0,40	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3421	Qua đường K0+98 N	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phuong Trù - T10		0+980			0,40	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3422	Tiêu K0+392	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phuong Trù - T10	Trái	0+392			0,40	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3423	Tiêu K0+475	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phuong Trù - T10	Phải	0+475			0,40	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3424	Tưới K1+677	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Trái	1+677	0,30	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3425	Tiêu K0+220	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phuong Trù - T10	Trái	0+220	0,30	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3426	Tưới K23+072	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	23+072			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3427	Tưới K0+477 phải	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Phải	0+477			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3428	Tưới K0+477 trái	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Trái	0+477			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3429	Tưới K0+679	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Trái	0+679			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3430	Tưới K0+705	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Phải	0+705			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3431	Tưới K0+710	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Phải	0+710			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3432	Tưới K0+960	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Phải	0+960			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3433	Tưới K1+384	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Phải	1+384			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3434	Tưới K1+650	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Trái	1+650			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3435	Tưới K1+993	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Trái	1+993			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3436	Tưới K2+024	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Phải	2+024			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3437	Tưới K2+280	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Phải	2+280			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3438	Tưới K2+360	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N18	Phải	2+360				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
3439	Tưới K1+491	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Trái	1+491				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
3440	Tưới K1+886	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Trái	1+886				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
3441	Tưới K1+970	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Phải	1+970				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
3442	Tưới K2+016	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Trái	2+016				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
3443	Tưới K2+100	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Phải	2+100				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
3444	Tưới K2+122	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Trái	2+122				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
3445	Tưới K2+202	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Phải	2+202				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
3446	Tưới K2+279 phải	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Phải	2+279				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
3447	Tưới K2+279 trái	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	N7B	Trái	2+279				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới		
3448	Tiêu K1+352	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Bùn	Trái	1+352				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3449	Tiêu K2+286	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Bùn	Phải	2+286				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3450	Tiêu K0+318	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Đồng Sinh 1	Trái	0+318				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3451	Tiêu K0+568	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trù - T10	Trái	0+568				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3452	Tiêu K0+725	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trù - T10	Trái	0+725				0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3453	Tiêu K1+988	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Tb Thông Đạt	Phải	1+988				0,20	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3454	Tiêu K2+610	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Tb Thông Đạt	Phải	2+610				0,20	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3455	Tiêu K0+50	Quốc Oai	Ngọc Mỹ	Kênh	Phương Trù - T10	Trái	0+500				0,20	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3456	Tiêu Phú Sơn K0+00	Quốc Oai	Phú Cát	Kênh	Tb Phú Sơn		0+000	1,60	2,20		2	V3	TC					Cổng	Vừa	Tiêu		
3457	Tiêu Phú Bàn K0+300	Quốc Oai	Phú Cát	Kênh	Tb Phú Sơn		0+300	1,40	1,70		2	V3	TC					Cổng	Vừa	Tiêu		
3458	Qua đường K0+100	Quốc Oai	Phú Cát	Kênh	Xã Tb Phú Sơn		0+100	1,70	1,90		1							Cổng	Vừa	Tiêu		
3459	Tiêu Đồng Mong K0+990	Quốc Oai	Phú Cát	Kênh	Tb Phú Sơn		0+990	1,36	1,20		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3460	Qua kênh K1+121	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Tb Bến Độ		1+121	2,50	1,60		1							Cầu				
3461	Qua kênh K1+295	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Tb Bến Độ		1+295	2,50	1,60		1							Cầu				
3462	Qua kênh K0+277	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Đồng Giai		0+277	3,50	1,10		1							Cầu				
3463	Qua kênh K0+558	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Đồng Giai		0+558	3,50	1,10		1							Cầu				
3464	Qua kênh K0+780	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Đồng Giai		0+780	3,50	1,10		1							Cầu				
3465	Qua kênh K1+008	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Đồng Giai		1+008	3,50	1,10		1							Cầu				
3466	Tiêu K1+856	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Yên Sơn		1+856	1,20	1,60		2							Cổng	Vừa	Tiêu		
3467	Kênh tiêu K1+182	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Đồng Chùa	Trái	1+182	1,60	1,60		1							Cổng	Vừa	Tiêu		
3468	Tưới K1+290	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Tb Bến Độ		1+290			1,00	2							Cổng	Vừa	Tưới		
3469	Đầu Kênh Đồng Chùa K2+270	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Yên Sơn	Phải	2+270	0,60	0,75		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3470	Tiêu K0+434	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Đồng Giai		0+434	1,30	1,00		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3471	Cây Bàng K0+840	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Đồng Chùa		0+840	0,90	1,10		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)							Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø							
3472	Qua đường K0+900	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Đồng Giai		0+900	1,40	0,80		1	V2	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3473	Tiêu K0+657	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Đồng Giai	Phải	0+657	1,10	1,00		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3474	Qua đường K0+775	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Đồng Chùa		0+775	0,90	1,10		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3475	Đt K0+830	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Tb Bến Độ		0+830	1,00	0,90		1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
3476	Qua đường K0+660	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Đồng Giai		0+660	1,10	0,80		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3477	Đt K1+118	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Tb Bến Độ		1+118	0,80	0,90		1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
3478	Tiêu K1+135	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Đồng Giai		1+135	1,00	0,70		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3479	Tiêu K0+360	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Đồng Chùa	Trái	0+360	0,80	0,80		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3480	Tiêu K1+020	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Đồng Chùa	Phải	1+020	0,90	0,70		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3481	Khe Phai K0+068	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Đồng Chùa		0+068	0,75	0,70		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3482	Tưới K1+119	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Tb Bến Độ	Phải	1+119			0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
3483	Tiêu K0+560	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Đồng Giai	Trái	0+560	0,70	0,70		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3484	Tiêu K0+210	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Đồng Giai	Trái	0+210	0,50	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3485	Tiêu K0+664	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Đồng Giai	Trái	0+664	0,50	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3486	Tiêu K2+105	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Yên Sơn	Phải	2+105			0,50	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3487	Tiêu K0+664	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Đồng Giai	Phải	0+664			0,50	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3488	Tiêu K1+851	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Yên Sơn	Trái	1+851			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3489	Tiêu K0+001	Quốc Oai	Phương Cách	Kênh	Đồng Chùa	Phải	0+001			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Số cửa	Máy đm	Vận hành		Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm	Vận hành				
						Bờ	Km			B	H	Ø	B				H			
3490	Tiêu K+776	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Đồng Giai	Phải	0+776	0,30	0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3491	Tưới K0+829	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Tb Bến Độ	Phải	0+829			0,30	1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3492	Tiêu K0+783	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Đồng Giai	Trái	0+783			0,20	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3493	Tưới K1+300	Quốc Oai	Phượng Cách	Kênh	Tb Bến Độ	Phải	1+300	0,40	0,70		1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3494	Sắt Ngó Sài qua kênh K22+571	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Chinh Đồng Mỏ		22+571	11,80	2,60		1						Cầu			
3495	BT Ngó Sài qua kênh K22+588	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Chinh Đồng Mỏ		22+588	11,80	2,60		1						Cầu			
3496	Qua kênh K0+795	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Gio		0+795	5,30	2,70		1						Cầu			
3497	Qua kênh K1+276	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Gio		1+276	5,30	2,70		1						Cầu			
3498	Qua kênh K1+380	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Gio		1+380	5,30	2,70		1						Cầu			
3499	Qua kênh K1+616	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Gio		1+616	5,30	2,70		1						Cầu			
3500	Qua kênh K1+820	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Gio		1+820	5,30	2,70		1						Cầu			
3501	Qua kênh K4+786	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Bùn		4+786	6,00	2,50		1						Cầu			
3502	Qua đường 81 K1+71	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Gio		1+71	2,40	2,20		2	V3	TC				Cổng	Vừa	Tiêu	
3503	Kem K0+231	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đuôi Phù Sa Cũ		0+231	0,80	1,00		1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tưới	
3504	Tiêu K1+916	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Gio		1+916	1,40	1,80		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3505	Qua đường K2+800 N	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Bùn		2+800			1,30	1	V2	TC				Cổng	Nhỏ	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
				Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm			
		Cấp huyện	Cấp xã			Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø				
3506	Qua đường K0+130	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đuôi Phù Sa Cũ		0+130	1,10	1,20		1							Cổng Nhò		Tưới
3507	Tưới K0+160	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Bến Độ	Trái	0+160	1,00	1,30		1	V1	TC					Cổng Nhò		Tưới
3508	Tiêu K0+800	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Gio		0+800	1,10	1,10		1							Cổng Nhò		Tiêu
3509	Lấy nước vào Tb Sông Ngang K24+259	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Chính Đồng Mô	Trái	24+259	0,60	0,75		1							Cổng Nhò		Tưới
3510	Tiêu K0+785	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Giảm Tô		0+785			1,00	1							Cổng Nhò		Tiêu
3511	Tiêu K1+176	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Gio	Phải	1+176			1,00	1							Cổng Nhò		Tiêu
3512	Tiêu K+278	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Gio		0+278			1,00	1	V1	TC					Cổng Nhò		Tiêu
3513	Tiêu K0+799	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Gio	Phải	0+799	0,70	1,10		1							Cổng Nhò		Tiêu
3514	Tiêu K0+229	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đuôi Phù Sa Cũ	Trái	0+229	0,70	0,80		1							Cổng Nhò		Tưới
3515	Tiêu K2+474 N	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Bùn		2+474			0,80	1							Cổng Nhò		Tiêu
3516	Tiêu K2+681 N	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Bùn		2+681			0,80	1							Cổng Nhò		Tiêu
3517	Tưới K1+608	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Trái	1+608	0,50	0,70		1							Cổng Nhò		Tưới
3518	Đt K1+200	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1		1+200	0,50	0,60		1							Cổng Nhò		Tưới
3519	Tưới K1+278	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Trái	1+278	0,50	0,60		1							Cổng Nhò		Tưới
3520	Tưới K1+387 trái	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Trái	1+387	0,50	0,60		1							Cổng Nhò		Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3521	Tuổi K1+387 phải	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1		Phải	1+387	0,50	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3522	Đt K1+388	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1		Phải	1+388	0,50	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3523	Đt K1+498	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1		Phải	1+498	0,50	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3524	Tuổi K1+17	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1		Phải	1+170			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3525	Tiêu K2+548 N	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Bùn			2+548			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3526	Khe Phải K2+754 N	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Bùn			2+754			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3527	Tuổi K0+230	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đuôi Phù Sa Cũ		Phải	0+230	0,50	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3528	Tuổi K0+933	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1		Phải	0+933	0,40	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3529	Tuổi K1+607 trái	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1		Trái	1+607	0,50	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3530	Tuổi K1+607 phải	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1		Phải	1+607	0,50	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3531	Tiêu dân sinh K22+688	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Chính Đồng Mỏ		Trái	22+688			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3532	Tuổi K0+175 phải	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1		Phải	0+175			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3533	Tuổi K0+175 trái	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1		Trái	0+175			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3534	Tưới K1+277	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Phải	1+277			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3535	Tưới K1+497 trái	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Trái	1+497			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3536	Tưới K1+497 phải	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Phải	1+497			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3537	Tưới K1+502	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Trái	1+502			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3538	Tưới K1+611	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Phải	1+611			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3539	Tưới K1+176	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Nhánh Tb Bến Độ	Trái	1+176			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3540	Tiêu K1+720 trái	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Gio	Trái	1+720			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3541	Tiêu K1+720 phải	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Gio	Phải	1+720			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3542	Tưới K21+990	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Chính Đồng Mỏ	Trái	21+990			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3543	Tiêu K2+462 N	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Bùn	Phải	2+462			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3544	Tiêu K2+755 N	Quốc Oai	Quốc Oai	Kênh	Đồng Bùn	Phải	2+755			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3545	Qua kênh K0+469	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15		0+469	1,80	1,10		1							Cầu				
3546	Qua kênh K0+723	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15		0+723	1,80	1,10		1							Cầu				
3547	Qua kênh K0+062	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		0+062	1,00	1,60		1							Cầu				
3548	Qua kênh K0+423	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		0+423	1,00	1,60		1							Cầu				

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3549	Qua kênh K0+766	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		0+766	1,00	1,60		1							Cầu				
3550	Qua kênh K1+547	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		1+547	1,00	1,60		1							Cầu				
3551	Qua kênh K2+107	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		2+107	2,50	1,60		1							Cầu				
3552	Qua kênh K2+143	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		2+143	2,50	1,60		1							Cầu				
3553	Qua kênh K2+753	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		2+753	2,50	1,60		1							Cầu				
3554	Qua kênh K0+978	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	VC49		0+978	2,00	1,10		1							Cầu				
3555	Qua kênh K1+149	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	VC49		1+149	2,00	1,10		1							Cầu				
3556	Qua kênh K0+80	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa Một Mái		0+80	1,90	1,40		1							Cầu				
3557	Qua kênh K0+616	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa Một Mái		0+616	1,90	1,40		1							Cầu				
3558	Qua kênh K0+738	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa Một Mái		0+738	1,90	1,40		1							Cầu				
3559	Qua kênh K0+742	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa Một Mái		0+742	1,90	1,40		1							Cầu				
3560	Kênh tiêu Cửa Chùa Một Mái K1+18	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Tháp Chuối	Trái	1+180	2,70	1,80		1							Cổng	Vừa	Tiêu		
3561	Tiêu K2+277	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Yên Sơn		2+277	1,20	2,00		2							Cổng	Vừa	Tiêu		
3562	Tuối K0+526	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 2		0+526	3,00	1,30		1							Cổng	Vừa	Tuối		
3563	Kênh Giã Tò K2+506	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Yên Sơn	Trái	2+506	1,60	1,80		1							Cổng	Vừa	Tiêu		
3564	Tiêu K0+536	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Đồng Chùa	Phải	0+536	1,20	1,30		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3565	Tiêu K0+860	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa 1 Mái		0+860	1,10	1,30		1	V2	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3566	Đầu kênh K0+00	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Đầm Xanh		0+000	0,90	1,00		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3567	Đầu kênh K0+000	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Nhà Diềm		0+000	0,90	1,00		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3568	Tưới Đồng Chè K1+315	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Phải	1+315	0,50	0,90		1	V0	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới		
3569	Qua đường K1+333	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Tháp Chuối		1+333	0,50	6,00		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3570	Qua đường K1+14	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Tháp Chuối		1+140	0,70	4,00		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3571	Tiêu K0+945	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Hồ Hóp		0+945	1,20	1,20		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3572	Đt K1+384	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		1+384	1,00	1,40		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3573	Đt K3+415	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Yên Sơn		3+415	1,00	1,20		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3574	Tiêu K3+506	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Yên Sơn		3+506	1,00	1,00		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3575	Qua đường K3+79	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		3+79	1,10	0,90		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3576	Tiêu K3+614	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Yên Sơn		3+614	0,90	1,10		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3577	Tiêu K0+196	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Tháp Chuối		0+196	1,20	0,80		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3578	Đt trên kênh K2+198	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N7B		2+198	0,90	1,00		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3579	Qua đường K2+250	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		2+250	1,00	0,90		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3580	Tưới K0+446	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 1		0+446	1,00	0,80		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3581	Kênh tiêu nội đồng K0+740	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa 1 Mái	Trái	0+740	1,00	0,80		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành				
						Bờ	Km				B	H	Ø				B			
3582	Qua đường K1+150	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Nhà Diêm		1+150	0,80	1,00		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3583	Qua đường K1+50	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		1+500			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3584	Qua đường K1+200	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		1+200			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3585	Qua đường K1+512	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		1+512			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3586	Qua đường K1+916	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		1+916			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3587	Qua đường K2+933	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		2+933			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3588	Qua đường K2+990	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		2+990			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3589	Cuối kênh K1+596	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49		1+596			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3590	Tiêu K+1.500 N	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Đồng Bùn		1+361	0,70	1,10		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3591	Đt K1+361	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Tb Bến Độ		1+361	1,10	0,70		1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3592	Qua đường K3+10	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		3+100	0,90	0,80		1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3593	Tiêu K0+888	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Đồng Bùn	Phải	0+888	0,80	0,90		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3594	Tiêu K0+422	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Đồng Chùa	Phải	0+422	0,80	0,90		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3595	Tiêu K0+00	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Tháp Chuối		0+000	0,90	0,80		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3596	Đt K0+989	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		0+989	1,10	0,65		1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3597	Tưới K0+29	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 2		0+29	0,60	1,00		1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3598	Tưới K2+957	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Phải	2+957	0,70	0,80		1						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3599	Tiêu K0+390	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa 1 Mái		0+390	0,80	0,70		1						Cổng	Nhỏ	Tiêu	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3600	Tiêu K3+820	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Yên Sơn		3+820	0,90	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3601	Tưới K0+173	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 2		0+173			0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3602	Tiêu K3+12	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Yên Sơn	Trái	3+12			0,80	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3603	Tưới K0+368	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 2		0+368	0,70	0,70		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3604	Khe Phai K0+26	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 2		0+260	0,90	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3605	Tiêu dân sinh K2+931	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Trái	2+931	0,75	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3606	Tiêu K0+667	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Hồ Hóp		0+667	0,60	0,70		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3607	Tưới K2+10	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Phải	2+100	0,50	0,80		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3608	Tưới K2+807	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Phải	2+807	0,50	0,80		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3609	Tiêu K0+350	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Đầm Xanh	Trái	0+350	0,80	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3610	Tiêu K0+400	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Đầm Xanh	Phải	0+400	0,80	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3611	Tiêu K0+300	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Nhà Diêm	Trái	0+300	0,80	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3612	Tiêu K0+350	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Nhà Diêm	Phải	0+350	0,80	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3613	Tiêu K0+700	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Nhà Diêm	Trái	0+700	0,80	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3614	Tiêu K0+800	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Nhà Diêm	Phải	0+800	0,80	0,50		1	V1	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3615	Tưới K0+338	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 2		0+338			0,70	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3616	Tưới K0+436	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 2		0+436			0,70	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3617	Tưới K0+621	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 2		0+621			0,70	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)							Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø							
3618	Tiêu K0+499	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Hồ Hóp		0+499	0,60	0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3619	Tưới K0+450	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 1		0+450	0,50	0,70	1								Cổng	Nhỏ	Tưới			
3620	Khe Phai K1+73	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49		1+73	0,50	0,70	1								Cổng	Nhỏ	Tưới			
3621	Trên kênh K1+477	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Tb Bến Độ		1+477	0,50	0,70	1								Cổng	Nhỏ	Tưới			
3622	Tiêu dân sinh K2+940	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Trái	2+940	0,50	0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tưới			
3623	Tưới K1+309	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 1	Phải	1+309			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
3624	Tưới K0+277	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 2		0+277			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
3625	Tưới K1+370	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49		1+370			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
3626	Hồ Hóp K2+367	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Yên Sơn	Phải	2+367			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3627	Tiêu Tháp Chuối K3+717	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Yên Sơn	Phải	3+717			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3628	Tiêu K1+329	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Tháp Chuối	Trái	1+329			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3629	Tiêu K0+500	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa 1 Mái	Phải	0+500			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3630	Tưới K1+360	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Tb Bến Độ	Trái	1+360	0,40	0,70	1								Cổng	Nhỏ	Tưới			
3631	Kênh cấp 3 K0+669	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Hồ Hóp	Phải	0+669	0,45	0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3632	Tưới K0+991	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49		0+991	0,50	0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tưới			
3633	Tưới K1+256	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49		1+256	0,50	0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tưới			
3634	Tiêu K0+179	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa 1 Mái	Phải	0+179	0,50	0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3635	Kênh tiêu K0+179	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa 1 Mái	Trái	0+179	0,50	0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình					Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3636	Tiêu K0+781	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa 1 Mái	Trái	0+781	0,50	0,50	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3637	Tưới K0+957	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Phải	0+957	0,40	0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tưới	
3638	Khe Phai K1+64	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49	Trái	1+64	0,30	0,70	1									Cổng	Nhỏ	Tưới	
3639	Tưới K2+213	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Phải	2+213	0,40	0,50	1									Cổng	Nhỏ	Tưới	
3640	Tiêu K2+213	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Trái	2+213	0,40	0,50	1									Cổng	Nhỏ	Tưới	
3641	Tưới K1+255	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49	Phải	1+255	0,50	0,40	1									Cổng	Nhỏ	Tưới	
3642	Tiêu K0+04 phải	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Tháp Chuối	Phải	0+04	0,40	0,50	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3643	Tiêu K0+04 trái	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Tháp Chuối	Trái	0+04	0,40	0,50	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3644	Tưới K0+344	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 2	Phải	0+344			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3645	Tưới K0+795	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49		0+795			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3646	Tiêu K2+273	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Yên Sơn	Phải	2+273			0,50	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3647	Tưới K0+987	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Trái	0+987			0,40	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3648	Tưới K1+502	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Trái	1+502			0,40	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3649	Tưới K1+66	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49		1+660			0,40	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3650	Tiêu K0+128	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa 1 Mái	Phải	0+128	0,30	0,40	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3651	Tưới K0+871	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Trái	0+871	0,30	0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới	
3652	Tưới K0+898	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49	Phải	0+898	0,30	0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới	
3653	Tưới K1+271	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Trái	1+271			0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình					Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3654	Tuổi K0+467	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 2	Trái	0+467				0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3655	Tuổi K0+384	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49	Phải	0+384				0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3656	Tuổi K0+589	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49	Trái	0+589				0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3657	Tuổi K0+599	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49	Phải	0+599				0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3658	Tuổi K0+966	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49	Trái	0+966				0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3659	Tuổi K1+445	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49		1+445				0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3660	Trên kênh K1+502	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Tb Bến Đọ		1+502				0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3661	Tiêu K0+505	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Hồ Hóp		0+505				0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
3662	Tiêu K0+669	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Hồ Hóp	Trái	0+669				0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
3663	Tiêu K0+105	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa 1 Mái	Phải	0+105				0,30	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
3664	Tuổi K0+762 phải	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Phải	0+762	0,20	0,30		1									Cổng	Nhỏ	Tuổi
3665	Tuổi K0+762 trái	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Trái	0+762	0,20	0,30		1									Cổng	Nhỏ	Tuổi
3666	Tuổi K1+82	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Phải	1+820	0,15	0,40		1									Cổng	Nhỏ	Tuổi
3667	Tuổi K0+276	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49	Trái	0+276	0,20	0,20		1									Cổng	Nhỏ	Tuổi
3668	Tuổi K1+407	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49	Trái	1+407	0,20	0,20		1									Cổng	Nhỏ	Tuổi
3669	Tuổi K1+549	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Phải	1+549				0,20	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3670	Cổng tuổi K0+484	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N15-Nhánh 1	Phải	0+484				0,20	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi
3671	Tuổi K0+284	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49	Phải	0+284				0,20	1								Cổng	Nhỏ	Tuổi

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3672	Tuổi K0+797 Phải	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49	Phải	0+797			0,20	1						Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3673	Tuổi K0+797 trái	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Vượt cấp 49	Trái	0+797			0,20	1						Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3674	Kênh tuổi K1+736	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Phải	1+736			0,20	1						Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3675	Tuổi K2+167	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Phải	2+167		0,40	0,50	1						Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3676	Tuổi K2+435	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17	Phải	2+435		0,50	0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3677	Trên kênh K1+706	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Tb Bến Độ		1+706		0,50	0,70	1						Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3678	Đt K1+520	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	N17		1+520		1,00	1,40	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3679	Tiêu K0+00	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa 1 Mái		0+00		1,10	1,30	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3680	Đt trên kênh K0+650	Quốc Oai	Sài Sơn	Kênh	Cửa Chùa 1 Mái		0+650		1,10	1,30	1	V1	TC				Cổng	Nhỏ	Tuổi			
3681	Qua kênh K29+568	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô		29+568		11,80	2,60	1						Cầu					
3682	Qua kênh K29+605	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô		29+605		11,80	2,60	1						Cầu					
3683	Qua kênh K29+626	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô		29+626		11,80	2,60	1						Cầu					
3684	Qua kênh K29+632	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô		29+632		11,80	2,60	1						Cầu					
3685	Qua kênh K29+642	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô		29+642		11,80	2,60	1						Cầu					
3686	Qua kênh K29+655	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô		29+655		11,80	2,60	1						Cầu					
3687	Qua kênh K29+693	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô		29+693		11,80	2,60	1						Cầu					
3688	Qua kênh K29+704	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô		29+704		11,80	2,60	1						Cầu					
3689	Qua kênh K29+715	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô		29+715		11,80	2,60	1						Cầu					

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm				Vận hành	
						Bờ	Km	B	H	Ø					B	H	Ø					
3690	Qua kênh K29+729	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô		29+729	11,80	2,60		1									Cầu		
3691	Qua kênh K29+744	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô		29+744	11,80	2,60		1									Cầu		
3692	Qua kênh K29+756	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô		29+756	11,80	2,60		1									Cầu		
3693	So qua đê K29+482	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô		29+482	2,80	1,40		1									Cổng	Vừa	Tưới
3694	Qua đường K0+640	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	N24B		0+640	2,00	1,50		1	V2	TC							Cổng	Vừa	Tưới
3695	Qua đường K0+889	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	N24B		0+889	2,00	1,50		1	V2	TC							Cổng	Vừa	Tưới
3696	Tưới N24B K28+937	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	28+937	0,50	0,60		1	V1	TC							Cổng	Nhỏ	Tưới
3697	Lò gạch Tân Hòa K30+263	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô	Trái	30+263	0,50	0,60		1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3698	Qua đường K0+177	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	N24B		0+177			1,00	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3699	Qua đường K0+00	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Tb Cầu Trắng		0+000	0,75	0,70		1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3700	Qua đường K1+050	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	N24B		1+050			0,80	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3701	Tưới K29+832	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô	Trái	29+832			0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3702	Tưới K0+331	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	N24B	Phải	0+331	0,40	0,50		1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3703	Tưới K29+237	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô	Trái	29+237			0,40	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3704	Tưới K29+375	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô	Trái	29+375			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3705	Tưới K30+295	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	Chính Đồng Mô	Phải	30+295			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3706	Tưới K0+343	Quốc Oai	Tân Hòa	Kênh	N24B	Phải	0+343			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)							Số cửa	Máy đm	Vận hành																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
						Bờ	Km	B	H	Ø																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3721	Tiêu K0+889 N	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Trái	0+889	1,00	1,20		1	V1	TC						Nhỏ	Tiêu		
3722	Qua đường K2+475	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn		2+475	1,00	1,00		1								Nhỏ	Tiêu		
3723	Tiêu K0+491 N Tả	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Trái	0+491	1,10	0,90		1								Nhỏ	Tiêu		
3724	Tiêu K0+491 N Hữu	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Phải	0+491	1,10	0,90		1								Nhỏ	Tiêu		
3725	Tiêu K0+574 N	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Trái	0+574	1,10	0,90		1								Nhỏ	Tiêu		
3726	Tiêu K0+677 N	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Trái	0+677	1,10	0,90		1								Nhỏ	Tiêu		
3727	Tiêu K0+678 N	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Phải	0+678	1,10	0,90		1								Nhỏ	Tiêu		
3728	Tiêu K0+792 N	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Trái	0+792	1,10	0,90		1								Nhỏ	Tiêu		
3729	Tiêu K1+106 N Tả	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Trái	1+106	0,90	0,90		1								Nhỏ	Tiêu		
3730	Tiêu K1+106 N Hữu	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Phải	1+106	0,90	0,90		1								Nhỏ	Tiêu		
3731	Tiêu K1+290 N	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Phải	1+290	0,90	0,90		1								Nhỏ	Tiêu		
3732	Tiêu K2+472	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Phải	2+472	0,80	0,90		1								Nhỏ	Tiêu		
3733	Tiêu K1+500 N	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Trái	1+500	0,80	0,90		1								Nhỏ	Tiêu		
3734	Tưới K0+04	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Trái	0+040	0,80	0,80		1								Nhỏ	Tưới		
3735	Tiêu K1+388 N	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Phải	1+388	0,90	0,70		1								Nhỏ	Tiêu		
3736	Qua đường K0+101	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo		0+101	0,70	0,80		1								Nhỏ	Tưới		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ					
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Số cửa	Máy đm	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)					Số cửa	Máy đm	Vận hành		
						Bờ	Km			B	H	Ø				B	H							Ø	
3737	Tuổi K0+322	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Trái	0+322	0,60	0,80	1												Cổng	Nhỏ	Tưới	
3738	Tuổi K0+170	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Trái	0+170	0,60	0,70	1													Nhỏ	Tưới	
3739	Tuổi K0+262	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Trái	0+262	0,60	0,70	1													Nhỏ	Tưới	
3740	Tuổi K0+754	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Trái	0+754	0,60	0,70	1													Nhỏ	Tưới	
3741	Tuổi K0+875	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Trái	0+875	0,60	0,70	1													Nhỏ	Tưới	
3742	Tiêu K2+557	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Trái	2+557			2	0,50												Cổng	Nhỏ	Tiêu
3743	Tuổi K0+99	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Trái	0+990	0,60	0,60	1														Nhỏ	Tưới
3744	Đt trên kênh K0+103	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo		0+103	0,60	0,60	1														Nhỏ	Tưới
3745	Tuổi K0+603	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Phải	0+603	0,50	0,70	1														Nhỏ	Tưới
3746	Tiêu K0+308 N	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn	Trái	0+308	0,50	0,60	1														Nhỏ	Tiêu
3747	Tuổi K0+682	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Trái	0+682	0,50	0,60	1														Nhỏ	Tưới
3748	Qua đường K0+957	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo		0+957	0,60	0,50	1														Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình					Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2					Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành			
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3749	Tiêu K0+900 N bờ trái	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn		Trái	0+900			0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
3750	Tiêu K0+900 N bờ phải	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Đồng Bùn		Phải	0+900			0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tiêu
3751	Qua đường K0+320	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo			0+320			0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tưới
3752	Qua đường K0+451	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo			0+451			0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tưới
3753	Qua đường K0+600	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo			0+600			0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tưới
3754	Qua đường K0+716	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo			0+716			0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tưới
3755	Tưới K23+182	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Chính Đồng Mỏ		Phải	23+182			0,40	1								Cổng	Nhỏ	Tưới
3756	Tưới K1+070	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	N7B		Phải	1+070	0,40	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới
3757	Đầu kênh K0+00	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo			0+000	0,40	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới
3758	Tưới K23+563	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Chính Đồng Mỏ		Trái	23+563			0,40	1								Cổng	Nhỏ	Tưới
3759	Trên kênh K0+222	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo			0+222			0,40	1								Cổng	Nhỏ	Tưới
3760	Tưới K0+888	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	N7B		Trái	0+888	0,30	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tưới
3761	Tưới K0+903	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	N7B		Phải	0+903	0,30	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình						Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
				Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành			
		Bờ	Km					B	H	Ø				B	H	Ø						
3762	Tưới K1+057	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	N7B	Trái	1+057	0,30	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3763	Tưới K1+574	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	N7B	Phải	1+574	0,30	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3764	Tưới K0+440	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Trái	0+440	0,30	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3765	Tưới K0+603	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Trái	0+603	0,30	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3766	Tưới K0+243	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Phải	0+243	0,20	0,40		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3767	Tưới K1+405	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	N7B	Trái	1+405			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3768	Tưới K1+473	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	N7B	Phải	1+473			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3769	Tưới K1+594	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	N7B	Phải	1+594			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3770	Tưới K0+050	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Phải	0+050			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3771	Tưới K0+169	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Phải	0+169			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3772	Tưới K0+319	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Phải	0+319			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3773	Tưới K0+500	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Trái	0+500			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3774	Tưới K0+647	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo	Phải	0+647			0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình						Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành				
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø							
3775	Tưới K0+759	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo		Phải	0+759			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3776	Tưới K0+956	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo		Trái	0+956			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3777	Tưới K0+456	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo		Phải	0+456	0,20	0,30		1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3778	Tưới K0+532	Quốc Oai	Thạch Thán	Kênh	Vượt cấp Đồng Gạo		Phải	0+532	0,20	0,30		1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3779	Tiêu Muôn Ro K0+00	Quốc Oai	Tuyết Nghĩa	Kênh	Tb Muôn Ro			0+000	1,80	1,90		1	V5	TC							Cổng	Vừa	Tiêu
3780	Tiêu K0+00	Quốc Oai	Tuyết Nghĩa	Kênh	Gò Miếu-Láng Trai			0+000			0,80	1	V2	TC							Cổng	Nhỏ	Tiêu
3781	Dọc kênh K0+580	Quốc Oai	Tuyết Nghĩa	Kênh	Tb Vĩnh Phúc			0+580	1,20	1,40		1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3782	Qua đường K0+040	Quốc Oai	Tuyết Nghĩa	Kênh	Tb Muôn Ro			0+040	1,20	1,40		1	V1	TC							Cổng	Nhỏ	Tiêu
3783	Qua đường K0+600	Quốc Oai	Tuyết Nghĩa	Kênh	Tb Muôn Ro			0+600			0,80	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
3784	Dọc kênh K0+323	Quốc Oai	Tuyết Nghĩa	Kênh	Gò Miếu-Láng Trai			0+323	0,60	0,60		1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
3785	Dọc kênh K0+95	Quốc Oai	Tuyết Nghĩa	Kênh	Gò Miếu-Láng Trai			0+950			0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
3786	Dọc kênh K0+224	Quốc Oai	Tuyết Nghĩa	Kênh	Gò Miếu-Láng Trai			0+224			0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
3787	Dọc kênh K0+459	Quốc Oai	Tuyết Nghĩa	Kênh	Gò Miếu-Láng Trai			0+459			0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
3788	Dọc kênh K0+570	Quốc Oai	Tuyết Nghĩa	Kênh	Gò Miếu-Láng Trai			0+570			0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tiêu
3789	Tưới K0+112	Quốc Oai	Tuyết Nghĩa	Kênh	Tb Vĩnh Phúc		Phải	0+112	0,30	0,60		1									Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Tiết diện (m)			Vận hành			
						Bờ	Km	B	H	Ø	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm		
3790	Tưới K0+576	Quốc Oai	Tuyết Nghĩa	Kênh	Tb Vĩnh Phúc	Trái	0+576			0,30	1					Cổng Nhỏ	Tưới
3791	Tưới K0+125	Quốc Oai	Tuyết Nghĩa	Kênh	Tb Vĩnh Phúc	Trái	0+125	0,20	0,30		1					Cổng Nhỏ	Tưới
3792	Giao thông K0+436	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Yên Sơn		0+436	3,50	3,20		1					Cầu	
3793	Qua kênh K0+73	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Yên Sơn		0+730	0,65	1,40		1					Cầu	
3794	K0+436	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Yên Sơn		0+436	7,70	2,10		1					Cầu	
3795	Qua kênh K0+835	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Yên Sơn		0+835	7,70	2,10		1					Cầu	
3796	Qua kênh K1+105	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Yên Sơn		1+105	7,70	2,10		1					Cầu	
3797	Qua kênh K1+690	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Yên Sơn		1+690	7,70	2,10		1					Cầu	
3798	Kênh tiêu K0+405	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Yên Sơn	Trái	0+405	2,60	2,20		1					Cổng Vừa	Tiêu
3799	Kênh tiêu K0+172	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Yên Sơn	Trái	0+172	2,40	2,00		1					Cổng Vừa	Tiêu
3800	Qua đường K1+45	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Nhánh Tb Bến Độ		1+450	2,10	2,20		1					Cổng Vừa	Tưới
3801	Tiêu K0+36	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Giảm Tô		0+360	2,00	2,00		1					Cổng Vừa	Tiêu
3802	Tiêu K0+279	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Đồng Gio		0+279	1,50	1,60		1					Cổng Vừa	Tiêu
3803	Tiêu K0+00	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Đồng Giai		0+000			1,50	1					Cổng Vừa	Tiêu
3804	Tiêu K0+103	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Đồng Giai		0+103			1,50	1					Cổng Vừa	Tiêu
3805	Tiêu K0+112	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Đồng Giai		0+112			1,50	1					Cổng Vừa	Tiêu
3806	Tiêu K0+419	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Giảm Tô	Phải	0+419			1,00	2					Cổng Vừa	Tiêu
3807	Tiêu K0+36	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Đồng Gio		0+360			1,00	2					Cổng Vừa	Tiêu

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình						Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
				Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành			
Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Yên Sơn	0+000	B	H	Ø	2	V5	TC								Cổng	Vừa	Tiêu		
Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Yên Sơn	0+724				0,60	3									Cổng	Vừa	Tiêu		
Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Đồng Gio	0+180	1,20	1,60		2	V1	TC								Cổng	Vừa	Tiêu		
Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Xá Yên Sơn	0+000	2,00	3,00		3	VĐ10	Điện								Cổng	Vừa	Tiêu		
Quốc Oai	Yên Sơn		Yên Sơn - nhánh 2	0+544	1,20	1,50		2	V1	TC								Cổng	Vừa	Tưới		
Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Đồng Gio	0+498	1,45	1,60		1										Cổng	Nhỏ	Tiêu		
Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	0+564	1,40	1,00		1	V1	TC								Cổng	Nhỏ	Tưới		
Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Nhánh 2(Ba Nhà - Hoàng Xá)	0+830	0,40	0,70		1	V1	TC								Cổng	Nhỏ	Tưới		
Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Nhánh 2(Ba Nhà - Hoàng Xá)	0+840	0,90	1,10		1	V1	TC								Cổng	Nhỏ	Tưới		
Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Yên Sơn	0+659	0,80	1,10		1										Cổng	Nhỏ	Tiêu		
Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Nhánh Tb Bến Độ	0+410	1,20	1,40		1										Cổng	Nhỏ	Tưới		
Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Nhánh Tb Bến Độ	0+410	1,20	1,40		1										Cổng	Nhỏ	Tưới		
Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Bến Độ	0+392	1,10	1,20		1										Cổng	Nhỏ	Tưới		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø					
3821	Tiêu K0+00	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Đồng Gio		0+000	1,00	1,20		1						Cổng Nhỏ	Tiêu			
3822	K1+15	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Nhánh Tb Bến Độ		1+150	1,00	1,00		1						Cổng Nhỏ	Tưới			
3823	Tưới K0+651	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Bến Độ		0+651	1,00	0,90		1	V1	TC				Cổng Nhỏ	Tưới			
3824	Tưới K0+504	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Đông Yên 2	Phải	0+504	0,90	1,00		1						Cổng Nhỏ	Tưới			
3825	Tiêu K0+200	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Đồng Giai		0+200	1,00	0,90		1						Cổng Nhỏ	Tiêu			
3826	Tiêu K0+00	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Đồng Gio		0+000			0,70	2						Cổng Nhỏ	Tiêu			
3827	Đt K0+00	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Nhánh Tb Bến Độ		0+000	0,80	0,80		1						Cổng Nhỏ	Tưới			
3828	Tiêu K0+06	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Đồng Giai	Phải	0+060			0,90	1						Cổng Nhỏ	Tiêu			
3829	Qua đường K0+440	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Nhánh Tb Bến Độ		0+440	0,50	1,10		1						Cổng Nhỏ	Tưới			
3830	Tưới K0+205	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Bến Độ	Phải	0+205			0,80	1						Cổng Nhỏ	Tưới			
3831	Đt K0+137	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Nhánh Tb Bến Độ	Phải	0+137	0,70	0,70		1						Cổng Nhỏ	Tưới			
3832	Đt K0+139	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Nhánh Tb Bến Độ		0+139	0,60	0,70		1						Cổng Nhỏ	Tưới			
3833	Tưới K0+536	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Phải	0+536	0,40	0,80		1						Cổng Nhỏ	Tưới			
3834	Tưới K0+664	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Phải	0+664	0,40	0,80		1						Cổng Nhỏ	Tưới			
3835	Tưới K0+731	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Phải	0+731	0,40	0,80		1						Cổng Nhỏ	Tưới			
3836	Tưới K0+792	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Phải	0+792	0,40	0,80		1						Cổng Nhỏ	Tưới			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3837	Kênh cấp 3 K0+285	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Đồng Gio	Trái	0+285	0,50	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3838	Kênh cấp 3 K0+430	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Đồng Gio	Phải	0+430	0,50	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3839	Đồng Giai K1+237	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Yên Sơn	Phải	1+237			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3840	Tiêu K1+617	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Yên Sơn	Trái	1+617			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3841	Tiêu K1+176	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Nhánh Tb Bến Độ	Phải	1+176	0,40	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3842	Tưới K0+429	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Trái	0+429	0,40	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3843	Tưới K0+563	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Trái	0+563	0,40	0,50		1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3844	Tiêu K0+954	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Yên Sơn	Trái	0+954			0,50	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3845	Tiêu K1+21	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Yên Sơn	Phải	1+21			0,50	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3846	Tiêu K0+419	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Giảm Tò	Phải	0+419			0,40	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu		
3847	Tưới K0+72	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Trái	0+720			0,20	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3848	Tưới K0+75	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Trái	0+750			0,20	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3849	Tưới K0+209	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Trái	0+209			0,20	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		
3850	Tưới K0+328	Quốc Oai	Yên Sơn	Kênh	Tb Yên Sơn - Nhánh 1	Trái	0+328			0,20	1							Cổng	Nhỏ	Tưới		

[illegible]

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3864	Trên kênh, K0+570	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	N2 - Đồng Mô		0+570	1,40	1,20		1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
3865	Trên kênh, K0+990	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	N2 - Đồng Mô		0+990	1,40	1,20		1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
3866	Trên kênh, K1+790	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	N2 - Đồng Mô		1+790	1,20	1,40		1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
3867	Trên kênh N2 Đồng Mô, K2+310	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	N2 - Đồng Mô		2+310	1,20	1,00		1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
3868	Trên kênh, K1+160	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	N2 - Đồng Mô		1+160	1,20	1,00		1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
3869	Trên kênh tiêu Cầu Cổng, K3+850	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	Tiêu Cầu Cổng		3+850			1,00	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3870	Tiêu dưới kênh Đồng Mô, K2+270	Sơn Tây	Cổ Đông		Vùng trung		2+270			0,90	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3871	Trên kênh N2 Đồng Mô, K3+00	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	N2 - Đồng Mô		3+00			0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tưới			
3872	Tiêu dưới kênh Đồng Mô, K1+890	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	Đồng Mô		1+890			0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3873	Tiêu dưới kênh Đồng Mô, K2+740	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	Đồng Mô		2+740			0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3874	Tiêu dưới kênh Đồng Mô, K3+150	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	Đồng Mô		3+150			0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3875	Tiêu dưới kênh Đồng Mô, K3+498	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	Đồng Mô		3+498			0,80	1						Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3876	Trên kênh N2 Đồng Mô	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	N2 - Đồng Mô		3+410			0,60	1						Cổng	Nhỏ	Tưới			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình						Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm	Vận hành																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		</

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình					Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3891	Đầu kênh C3, K3+515	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	N2 - Đồng Mỏ	Trái	3+515				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3892	Trên kênh Tb - Bắc Kiên, K0+250	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	Tb Bắc Kiên	Trái	0+250				0,30	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3893	Đầu kênh C3, K1+979	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	N2 Đồng Mỏ	Phải	1+979				0,20	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3894	Đầu kênh C3, K2+126	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	N2 Đồng Mỏ	Phải	2+126				0,20	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3895	Đầu kênh C3, N4 Bắc Kiên, K0+180	Sơn Tây	Cổ Đông	Kênh	N4 Bắc Kiên		0+180	0,15	0,15			1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3896	Tiêu số 60	Sơn Tây	Đường Lâm	Sông	Tích	Trái	26+406	2,00	2,00			2	V5	TC					Cổng	Vừa	Tiêu	
3897	Tiêu số 61	Sơn Tây	Đường Lâm	Sông	Tích	Phải	26+654	1,50	1,50			2	V5	TC					Cổng	Vừa	Tiêu	
3898	Tiêu số 62	Sơn Tây	Đường Lâm	Sông	Tích	Phải	27+425	3,00	3,20			2	V10	TC					Cổng	Vừa	Tiêu	
3899	Trên kênh Tb - Phụ Khang 1, K0+153	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 1		0+153	1,00	1,30			1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3900	Trên kênh Tb - Phụ Khang 1, K0+33	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 1	Trái	0+33	1,00	1,00			1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3901	Trên kênh Tb - Phụ Khang 2, K0+759	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 2		0+759	1,00	1,00			1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3902	Trên kênh, K0+100	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Cầu Trắng 1		0+100				1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tưới	
3903	Tiêu Đồng Hóc, K0+775	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 1		0+775				1,00	1							Cổng	Nhỏ	Tiêu	
3904	Trên kênh Cổng Vòm, K0+2	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Cầu Trắng 1		0+2	0,70	0,80			1							Cổng	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2					Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3905	Trên kênh Tb - Phụ Khang 2, K0+441	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 2		0+441			0,80	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3906	Trên kênh Tb - Phụ Khang 2, K0+960	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 2		0+960	0,60	0,70		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3907	Đầu kênh cấp 3, K0+771	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 2	Trái	0+771	0,60	0,60		1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tưới	
3908	Trên kênh Tb - Phụ Khang 1, K0+720	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 1		0+720			0,70	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3909	Tưới, K0+228	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 1	Trái	0+228	0,50	0,70		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3910	Trên kênh, K0+400	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 1		0+400	0,50	0,70		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3911	Đầu kênh cấp 3, K0+00	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Cầu Trắng 1	Trái	0+00			0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3912	Trên kênh Tb - Phụ Khang 2, K0+675	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 2		0+675			0,60	1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3913	Tưới, K0+33	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 1	Trái	0+33	0,45	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3914	Trên kênh Tb - Cầu Trắng 2, K0+730	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 1	Phải	0+73	0,40	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3915	Tưới, K0+660	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 1	Trái	0+660	0,40	0,50		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3916	Đầu kênh cấp 3, K0+578	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 1	Phải	0+730	0,40	0,45		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	
3917	Tưới, K0+73	Sơn Tây	Đường Lâm	Kênh	Tb Phụ Khang 1	Phải	0+73	0,40	0,40		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3933	Tưới đầu kênh N1-1 Sơn Đông	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	Đồng Mỏ	Trái	0+240			0,80	1	V3	TC							Cổng	Nhỏ	Tưới
3934	Tưới đầu kênh N1b Sơn Đông	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	Đồng Mỏ	Trái	0+338			0,60	1	V2	TC							Cổng	Nhỏ	Tưới
3935	Tưới trên kênh N1-1, K1+615	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	N1-1 Sơn Đông		1+615	1,00	1,20		1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3936	Tưới trên kênh N1-1, K2+00	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	N1-1 Sơn Đông		2+00	1,00	1,20		1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3937	Tưới trên kênh N1-1, K2+250	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	N1-1 Sơn Đông		2+250	1,00	1,20		1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3938	Vào Tb Gò Đình	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	Đồng Mỏ	Phải	1+969			0,80	1	V0	TC							Cổng	Nhỏ	Tưới
3939	Vào Tb Gò Khê	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	Đồng Mỏ	Trái	2+470			0,60	1	V0	TC							Cổng	Nhỏ	Tưới
3940	Tưới trên kênh N1-1, K3+00	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	N1-1 Sơn Đông		3+00	1,00	1,00		1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3941	Vào Tb Cà Cà, K0+308	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	Đồng Mỏ	Trái	0+308			0,80	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3942	Tưới, K2+430	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	N1-1 Sơn Đông	Phải	2+430	0,70	0,70		1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3943	Vc, K3+950	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	Đồng Mỏ	Trái	3+950			0,40	1	V0	TC							Cổng	Nhỏ	Tưới
3944	Tưới Đồng Miêu	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	Đồng Mỏ	Trái	3+409			0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3945	Trên kênh N1b Sơn Đông nhánh chính, K0+80	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	N1-b Sơn Đông, Nhánh chính		0+80			0,60	1									Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình					Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ	
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm				Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
3954	Đầu kênh cấp 3, K2+925	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	Đồng Mỏ	Trái	2+925			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3955	Đồng Xanh, K2+964	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	Đồng Mỏ	Trái	2+964			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3956	Đầu kênh cấp 3, K3+295	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	Đồng Mỏ	Trái	3+295			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3957	Đầu kênh cấp 3, K3+345	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	Đồng Mỏ	Trái	3+345			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3958	Đầu kênh cấp 3, K3+734	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	Đồng Mỏ	Trái	3+734			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3959	Đầu kênh cấp 3, K3+816	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	Đồng Mỏ	Trái	3+816			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3960	Tưới, K0+280	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	N1-1 Sơn Đông	Trái	0+280			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3961	Tưới, K0+810	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	N1-1 Sơn Đông	Trái	0+810			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3962	Tưới, K0+965	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	N1-1 Sơn Đông	Trái	0+965			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3963	Tưới, K1+175	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	N1-1 Sơn Đông	Trái	1+175			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3964	Tưới, K1+365	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	N1-1 Sơn Đông	Trái	1+365			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3965	Tưới, K2+250	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	N1-1 Sơn Đông	Phải	2+250			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3966	Tưới, K3+00	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	N1-1 Sơn Đông	Trái	3+00			0,30	1									Cổng	Nhỏ	Tưới
3967	Đt trên kênh tại K0+595	Sơn Tây	Sơn Đông	Kênh	N1B		0+595	0,70	0,90		1	V1	TC							Cổng	Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)	Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành			
						Bờ	Km					B	H	Ø						
3968	Trên kênh Tb Sông Hang, K1+200	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Sông Hang		1+200	1,00	1,00		1						Cổng Nhỏ		Tưới	
3969	Trên kênh Tb - Sông Hang, K0+550	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Sông Hang		0+550	0,80	1,20		1						Cổng Nhỏ		Tưới	
3970	Trên kênh Tb - Sông Hang, K0+950	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Sông Hang		0+950	0,80	1,10		1						Cổng Nhỏ		Tưới	
3971	Trên kênh Tb - Sông Hang, K0+680	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Sông Hang		0+680	0,80	1,00		1						Cổng Nhỏ		Tưới	
3972	Trên kênh Tb - Sông Hang, K0+800	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Sông Hang		0+800	0,80	1,00		1						Cổng Nhỏ		Tưới	
3973	Trên kênh, K0+740	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Sông Hang		0+740	0,80	1,00		1						Cổng Nhỏ		Tưới	
3974	Trên kênh Tb -Vị Thủy Nhánh Thanh Vị, K0+125	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Vị Thủy (Nhánh Thanh Vị)		0+125			0,60	2						Cổng Nhỏ		Tưới	
3975	Trên kênh Tb - Sông Hang, K0+300	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Sông Hang		0+300	0,70	0,80		1						Cổng Nhỏ		Tưới	
3976	Trên kênh Tb -Vị Thủy Tuyến chính, K0+16	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Vị Thủy Tuyến chính		0+16			0,60	1						Cổng Nhỏ		Tưới	
3977	Trên kênh dẫn vào bể hút Tb -Vị Thủy K0+93, K0+93	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Dẫn vào bể hút Tb Vị Thủy		0+93			0,60	1						Cổng Nhỏ		Tưới	
3978	Trên kênh Tb -Vị Thủy Nhánh Tây Vị, K0+350	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Vị Thủy Nhánh Tây Vị		0+350	0,50	0,50		1						Cổng Nhỏ		Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Tiết diện (m)			Vận hành			
						Bờ	Km	B	H	Ø	Số cửa	Máy đm	Vận hành				
3979	Đầu kênh Thanh Vĩ Tb Vĩ Thủy Nhánh Thanh Vĩ, K0+16	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Vĩ Thủy Nhánh Tây Vĩ		0+16	0,50	0,50		1	V1	TC			Cổng Nhỏ	Tưới
3980	Trên kênh Tb Vĩ Thủy Tuyến chính, K0+90	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Vĩ Thủy Tuyến chính		0+90	0,40	0,60		1					Cổng Nhỏ	Tưới
3981	Đầu kênh Tây Vĩ Tb Vĩ Thủy Nhánh Tây Vĩ, K0+00	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Vĩ Thủy Nhánh Tây Vĩ		0+00	0,40	0,60		1	V1	TC			Cổng Nhỏ	Tưới
3982	Trên kênh Tb - Cầu Trắng 2, K0+285	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Cầu Trắng 2		0+285	0,40	0,60		1					Cổng Nhỏ	Tưới
3983	Trên kênh Tb - Cầu Trắng 2, K0+395	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Cầu Trắng 2		0+395	0,40	0,60		1					Cổng Nhỏ	Tưới
3984	Trên kênh Tb - Cầu Trắng 2, K0+530	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Cầu Trắng 2		0+530	0,40	0,60		1					Cổng Nhỏ	Tưới
3985	Trên kênh Tb - Cầu Trắng 2, K0+610	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Cầu Trắng 2		0+610	0,40	0,60		1					Cổng Nhỏ	Tưới
3986	Đầu kênh cấp 3, K0+730	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Cầu Trắng 2		0+730	0,40	0,55		1					Cổng Nhỏ	Tưới
3987	Trên kênh Tb -Vĩ Thủy Nhánh Thanh Vĩ, K0+225	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Vĩ Thủy Nhánh Thanh Vĩ		0+225			0,50	1					Cổng Nhỏ	Tưới
3988	Tưới Tb, K0+100	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Cầu Trắng 2	Trái	0+100			0,40	1					Cổng Nhỏ	Tưới

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)							Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø							
3989	Tuối, K0+555	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Cầu Trắng 2	Phải	0+555	0,25	0,25		1							Cổng	Nhỏ	Tuối			
3990	Tuối, K0+930	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Cầu Trắng 2	Trái	0+930	0,20	0,30		1							Cổng	Nhỏ	Tuối			
3991	Tuối Tb, K0+20	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Sông Hang	Phải	0+20			0,20	1							Cổng	Nhỏ	Tuối			
3992	Tuối, K0+990	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Sông Hang	Phải	0+990			0,20	1							Cổng	Nhỏ	Tuối			
3993	Tuối, K0+305	Sơn Tây	Thanh Mỹ	Kênh	Tb Cầu Trắng 2	Phải	0+305			0,20	1							Cổng	Nhỏ	Tuối			
3994	Trên kênh tiêu Đàm Quảng, K0+420	Sơn Tây	Trung Sơn Trầm	Kênh	Tiêu Đàm Quảng		0+420	1,00	1,20		1							Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3995	Tiêu Đàm Quảng	Sơn Tây	Trung Sơn Trầm	Kênh	Tiêu Đàm Quảng		0+00	1,40	1,40		1	V3	TC					Cổng	Nhỏ	Tiêu			
3996	Trên kênh Tb - Đồi Tường, K0+392	Sơn Tây	Trung Sơn Trầm	Kênh	Tb Đồi Tường		0+392	0,55	0,55		1							Cổng	Nhỏ	Tuối			
3997	Tuối, K0+180	Sơn Tây	Trung Sơn Trầm	Kênh	Tb Đồi Tường	Trái	0+180			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tuối			
3998	Trên kênh tiêu T1-Viên Sơn, K4+600	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn		4+600	3,00	1,00		1							Cổng	Vừa	Tiêu			
3999	Trên kênh tiêu T1-Viên Sơn, K3+850	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn		3+850	2,20	1,10		1							Cổng	Vừa	Tiêu			
4000	3 cửa đê tích, K3+500	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn		3+500			0,80	3	V1	TC					Cổng	Vừa	Tiêu			
4001	Tb Phù Sa tuyến 1	Sơn Tây	Viên Sơn	Sông	Hồng			1,00	3,20		6	VD10	Điện					Cổng	Vừa	Tuối			
4002	Tb Phù Sa tuyến 2	Sơn Tây	Viên Sơn	Sông	Hồng			1,00	3,20		3	VD10	Điện					Cổng	Vừa	Tuối			
4003	Vào ruộng bơm	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Phù Sa			1,00	3,20		8	VD10	Điện					Cổng	Vừa	Tuối			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình				Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø				B	H	Ø						
4004	Cửa tự chảy Tb Phù Sa	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Phù Sa			1,00	3,20		4	V5	TC						Cổng	Vừa	Tưới	
4005	Tự chảy Phù Sa tuyến 1	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Phù Sa			2,00	2,50		2	4DV20	Điện						Cổng	Vừa	Tưới	
4006	Tự chảy Phù Sa tuyến 2	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Phù Sa			2,00	2,50		2	VĐ20	Điện						Cổng	Vừa	Tưới	
4007	Tự chảy Phù Sa tuyến 3	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Phù Sa			2,00	2,50		2	VD20	Điện						Cổng	Vừa	Tưới	
4008	Cửa vào tự chảy Phù Sa	Sơn Tây	Viên Sơn	Sông	Hồng			2,00	2,50		3	V3	TC						Cổng	Vừa	Tưới	
4009	Tiêu luồn qua KC Phù Sa, K0+850	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn		0+850			0,60	2	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
4010	Tiêu luồn qua KC Phù Sa, K1+00	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn		1+00			0,60	2	V2	TC						Cổng	Nhỏ	Tiêu	
4011	Đầu kênh N2 Viên Sơn	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Phù Sa	Phải	0+285			0,60	1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tưới	
4012	Vc Thiều Xuân	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Phù Sa	Phải	0+962			0,60	1	V1	TC						Cổng	Nhỏ	Tưới	
4013	Vc Đồng Hào	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Phù Sa	Phải	0+680			0,60	1	V0	TC						Cổng	Nhỏ	Tưới	
4014	Vc Thiều B	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Phù Sa	Trái	0+940			0,30	1	V0	TC						Cổng	Nhỏ	Tưới	
4015	Trên kênh tiêu T1-Viên Sơn, K4+150	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn		4+150	1,20	1,40		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
4016	Trên kênh tiêu T1-Viên Sơn, K3+921	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn		3+921	0,90	1,20		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
4017	Trên kênh tiêu T1-Viên Sơn, K4+965	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn		4+965	1,20	0,90		1								Cổng	Nhỏ	Tiêu	
4018	Trên kênh VC Đồng Hào, K0+450	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	VC Đồng Hào		0+450	1,00	1,00		1								Cổng	Nhỏ	Tưới	

TT	Tên công trình	Địa bàn		Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ				
		Cấp huyện	Cấp xã			Bờ	Km	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)					Số cửa	Máy đm	Vận hành	
								B	H	Ø				B	H							Ø
4019	Trên kênh VC Đồng Hảo, K0+96	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	VC Đồng Hảo		0+96	1,00	1,00		1				Cổng	Nhỏ	Tưới					
4020	Trên kênh VC Thiều Xuân, K0+405	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	VC Thiều Xuân		0+405	1,00	1,00		1				Cổng	Nhỏ	Tưới					
4021	Trên kênh VC Thiều Xuân, K0+175	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	VC Thiều Xuân		0+175	1,00	1,00		1				Cổng	Nhỏ	Tưới					
4022	Trên kênh Cơ Khí, K0+100	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu Cơ Khí		0+100	1,00	1,00		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu					
4023	Trên kênh Cống Vòm, K6+419	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn		6+419	1,00	0,90		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu					
4024	Trên kênh tiêu T1-Viên Sơn, K5+204	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn		5+204			1,00	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu					
4025	Trên kênh tiêu T1-Viên Sơn, K5+327	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn		5+327			1,00	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu					
4026	Trên kênh tiêu T1-Viên Sơn, K5+110	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn		5+110	0,90	0,60		1				Cổng	Nhỏ	Tiêu					
4027	Tiêu Nhánh T1B, K4+885	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn	Trái	4+885			0,80	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu					
4028	Trên kênh tiêu T1-Viên Sơn, K5+428	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn		5+428			0,80	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu					
4029	Tiêu dưới kênh N2V. Sơn, K6+304	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Tiêu T1 Viên Sơn		6+304			0,70	1				Cổng	Nhỏ	Tiêu					

TT	Tên công trình	Địa bàn		Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã			Bờ	Km	B	Tiết diện (m)		Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)					Số cửa	Máy đm	Vận hành
									H	Ø				B	H						
4030	Trên kênh N2 Viên Sơn	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	N2 Viên Sơn	Trái	0+145				0,60	1					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4031	Đầu kênh cấp 3, K0+145	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	N2 Viên Sơn	Trái	0+145	0,30	0,40			1					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4032	Đầu kênh cấp 3 VC Thiệu Xuân, K0+321	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	VC Thiệu Xuân	Trái	0+321	0,30	0,30			1					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4033	Vc Phù Sa, K0+100 bờ phải	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Phù Sa	Phải	0+100				0,30	1					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4034	Vc Phù Sa, K0+100 bờ trái	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Phù Sa	Trái	0+100				0,30	1					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4035	Vc Thiệu A, K0+480	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Phù Sa	Trái	0+480				0,30	1					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4036	Vc Nghĩa Trang, K0+725	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Phù Sa	Trái	0+725				0,30	1					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4037	VC trên kênh chính Phù Sa, K0+135	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	Phù Sa	Trái	0+135				0,30	1					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4038	Đầu kênh cấp 3, K0+260	Sơn Tây	Viên Sơn	Kênh	N2 Viên Sơn	Trái	0+260	0,25	0,25			1					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4039	Đt trên kênh, K1+30	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông Hồ Xuân Khanh		1+30	0,70	1,40			1	V2	TC			Cổng	Nhỏ	Tưới		
4040	Đt trên kênh, K1+600	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông Hồ Xuân Khanh		1+600	0,90	1,50			1	V2	TC			Cổng	Nhỏ	Tưới		
4041	Đầu kênh, K0+00	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh		0+00	0,70	1,40			1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tưới		
4042	Đầu kênh Kênh Bắc - Hồ Xuân Khanh	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Bắc hồ Xuân Khanh		0+00	0,70	0,70			1	V1	TC			Cổng	Nhỏ	Tưới		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Thông số kỹ thuật cửa loại 1						Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ		
		Cấp huyện	Cấp xã			Bờ	Km	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)			Số cửa				Máy đm	Vận hành
								B	H	Ø				B	H	Ø						
4043	Đầu kênh cấp 3, K0+860	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	0+860			0,30	1	V0	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4044	Đầu kênh cấp 3, K1+160	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	1+160			0,30	1	V0	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4045	Đầu kênh cấp 3, K1+240	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	1+240			0,30	1	V0	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4046	Đầu kênh cấp 3, K1+250	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	1+250			0,30	1	V0	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4047	Đầu kênh cấp 3, K1+350	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	1+350			0,30	1	V0	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4048	Đầu kênh cấp 3, K1+400	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	1+400			0,30	1	V0	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4049	Đầu kênh cấp 3, K1+610	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	1+610			0,30	1	V0	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4050	Đầu kênh cấp 3, K1+690	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	1+690			0,30	1	V0	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4051	Đầu kênh cấp 3, K1+800	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	1+800			0,30	1	V0	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4052	Đầu kênh cấp 3, K1+880	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	1+880			0,30	1	V0	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới		
4053	Đầu kênh cấp 3, K1+940	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	1+940			0,30	1	V0	TC					Cổng	Nhỏ	Tưới		

TT	Tên công trình	Địa bàn		Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Thông số kỹ thuật cửa loại 1				Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã			Bờ	Km	Tiết diện (m)			Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)					Số cửa đm	Vận hành	
								B	H	Ø				B	H						Ø
4054	Đầu kênh cấp 3, K2+00	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	2+00			0,30	1	V0	TC				Cổng Nhỏ	Tưới			
4055	Đầu kênh cấp 3, K2+50	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	2+50			0,30	1	V0	TC				Cổng Nhỏ	Tưới			
4056	Đầu kênh cấp 3, K2+100	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	2+100			0,30	1	V0	TC				Cổng Nhỏ	Tưới			
4057	Đầu kênh cấp 3, K2+220	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	2+220			0,30	1	V0	TC				Cổng Nhỏ	Tưới			
4058	Đầu kênh cấp 3, K2+360	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	2+360			0,30	1	V0	TC				Cổng Nhỏ	Tưới			
4059	Đầu kênh cấp 3, K2+765	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	2+765			0,30	1	V0	TC				Cổng Nhỏ	Tưới			
4060	Đầu kênh cấp 3, K2+770	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Trái	2+770			0,30	1	V0	TC				Cổng Nhỏ	Tưới			
4061	Đầu kênh cấp 3, K2+970	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh	Phải	2+970			0,30	1	V0	TC				Cổng Nhỏ	Tưới			
4062	Chính hồ Xuân Khanh, số 1	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông hồ Xuân Khanh					0,80	1	V5	TC				Cổng Nhỏ	Tưới			
4063	Trên kênh, K0+150	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Bắc - Hồ Xuân Khanh		0+150	0,60	0,60		1						Cổng Nhỏ	Tưới			
4064	Trên kênh, K0+355	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Bắc - Hồ Xuân Khanh		0+355	0,60	0,60		1						Cổng Nhỏ	Tưới			
4065	Trên kênh, K0+655	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Bắc - Hồ Xuân Khanh		0+655	0,60	0,60		1						Cổng Nhỏ	Tưới			

TT	Tên công trình	Địa bàn		Tại công trình			Thông số kỹ thuật cửa loại 1							Thông số kỹ thuật cửa loại 2				Loại công trình	Phân loại	Nhiệm vụ			
		Cấp huyện	Cấp xã	Loại c.tr	Tên công trình	Lý trình		Tiết diện (m)				Số cửa	Máy đm	Vận hành	Tiết diện (m)						Số cửa	Máy đm	Vận hành
						Bờ	Km	B	H	Ø	B				H	Ø							
4066	Trên kênh, K1+85	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Bắc - Hồ Xuân Khanh		1+85	0,60	0,60		1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
4067	Trên kênh, K2+20	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông Hồ Xuân Khanh		2+20			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
4068	Qua đường, K3+00	Sơn Tây	Xuân Sơn	Kênh	Chính Đông Hồ Xuân Khanh		3+00			0,60	1							Cổng	Nhỏ	Tưới			
4069	Địa Lương	Thạch Thất	Bình Phú	Kênh	chính Đồng Mô		17+481	9,00	2,50		1							Cầu					
4070	Phú Ó - Ngọc Bài	Thạch Thất	Bình Phú	Kênh	chính Đồng Mô		18+321	9,00	2,50		1							Cầu					
4071	Thềm Bep	Thạch Thất	Bình Phú	Kênh	chính Đồng Mô		19+368	9,00	2,50		1							Cầu					
4072	Phú Ó 2	Thạch Thất	Bình Phú	Kênh	chính Đồng Mô		19+992	9,00	2,50		1							Cầu					
4073	Tiêu cò pheo	Thạch Thất	Bình Phú	Kênh	Tiêu Bình Phú		0+940	0,80	1,30		2	V5	TC					Cổng	Vừa	Tiêu			
4074	Trên kênh tiêu bình phú làng thạch	Thạch Thất	Bình Phú	Kênh	Tiêu Bình Phú		4+633	1,50	1,50		2	V1	TC					Cổng	Vừa	Tiêu			
4075	Trên kênh tiêu nhánh bình phú	Thạch Thất	Bình Phú	Kênh	Tiêu nhánh Bình Phú		0+450	1,50	1,40		1	V1	TC					Cổng	Vừa	KH			
4076	Dưới kênh Chính Đồng Mô 3 cửa	Thạch Thất	Bình Phú	Kênh	Tiêu Bình Phú		0+908			2,00	3	V1	TC					Cổng	Vừa	Tiêu			
4077	Trần Phú ố	Thạch Thất	Bình Phú	Kênh	Chính Đồng Mô		17+580	8,00	0,50		1							Cổng	Vừa	Tưới			
4078	Dưới kênh Chính Đồng Mô 1 cửa	Thạch Thất	Bình Phú	Kênh	Tiêu Bình Phú		0+908	1,50	2,00		1							Cổng	Vừa	Tiêu			
4079	Trần Phú ố	Thạch Thất	Bình Phú	Kênh	chính Đồng Mô		17+580	6,00	2,10		1							Cổng	Vừa	Tưới			

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442

Fax: 024.37739443

Email: congbao@hanoi.gov.vn

Website: www.thudo.gov.vn